

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 912/TB-CHP

V/v công bố Báo cáo thường niên năm 2017

Hải phòng, ngày 16 tháng 4 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CTCP Cảng Hải Phòng
Mã chứng khoán: PHP
Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A Trần Phú, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3859945 Fax: 0225.3859973
Email: congbothongtin@haiphongport.com.vn
2. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/4/2018 tại website www.haiphongport.com.vn
Tài liệu đính kèm Thông báo: Báo cáo thường niên năm 2017 của CTCP Cảng Hải Phòng
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Trung tâm CNTT (để công bố);
- Lưu: Tký Công ty; VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Hùng Việt

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
(Tài liệu để công bố)
Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200236845
- Vốn điều lệ: 3.269.600.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.269.600.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3859.945
- Số fax: 0225.3859.973
- Website: www.haiphongport.com.vn
- Mã cổ phiếu: PHP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Cảng Hải Phòng do Pháp xây dựng từ năm 1874 và chuyển giao lại cho chính quyền cách mạng năm 1955 sau khi Hải Phòng hoàn toàn được giải phóng.

Ngày 21/3/1956, Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện (Nay là Bộ Giao thông vận tải) Nguyễn Trân đã ký Nghị định số 17/NĐ về việc đặt Cảng Hải Phòng trực thuộc ngành vận tải thủy để phụ trách, quản lý Cảng Hải Phòng.

Ngày 25/6/1965, Cục đường biển Việt Nam có Quyết định số 162/QĐ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của Cảng Hải Phòng.

Từ những năm 1960, Cảng Hải Phòng bắt đầu được xây dựng và cải tạo lại theo thiết kế quy hoạch nâng cấp Cảng Hải Phòng do Liên Xô giúp đỡ. Đến năm 1982, việc xây dựng cải tạo Cảng cơ bản hoàn thành với 11 cầu tàu có tổng chiều dài khoảng 1.750 m tại khu vực Cảng chính, có thể đón tàu 10.000DWT ra vào để xếp dỡ hàng hóa. Từ năm 1960 đến năm 1985, Cảng Hải Phòng còn hình thành thêm khu vực Cảng Vật Cách, khu vực Cảng Đoạn Xá và Cảng Chùa Vẽ.

Ngày 11/3/1993, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 376/QĐ/TCCB-LĐ thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Hải Phòng.

Tháng 6 năm 2008, Cảng Hải Phòng chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 3088/QĐ-BGTVT ngày 12/10/2007 của Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 4/2/2013, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 276/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015.

Ngày 15/3/2013, Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 103/QĐ-HHVN về việc phê duyệt danh sách các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cổ phần hóa trong đó có Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Ngày 8/4/2014, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 118/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng thành công ty cổ phần.

Ngày 04/7/2014, Cảng Hải Phòng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5, hoàn tất việc chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng sang hình thức công ty cổ phần. Cảng Hải Phòng được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 18/7/2014.

Ngày 12/08/2015 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng bắt đầu niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: PHP.

Tháng 2/2016, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện chuyển đổi mô hình của 03 đơn vị trực thuộc sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Cảng Hải Phòng làm chủ sở hữu. Từ thời điểm đó đến 31/12/2017, Cảng Hải Phòng chỉ còn 02 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Tân Vũ và chi nhánh Cảng Chùa Vẽ.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- o Bốc xếp hàng hóa
- o Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ và đường thủy nội địa
- o Cho thuê kho bãi, văn phòng
- o Môi giới thuê tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan.
- o Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- o Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- o Sửa chữa container; dịch vụ vệ sinh container
- o Giáo dục nghề nghiệp
- o Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá.
- o Lai dắt và hỗ trợ tài biển
- o Sửa chữa máy móc, thiết bị
- o Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng, cầu tàu, bến bãi
- o Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- o Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,..)
- o Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm quầy bar)

2.2. Địa bàn kinh doanh: Tại thành phố Hải Phòng

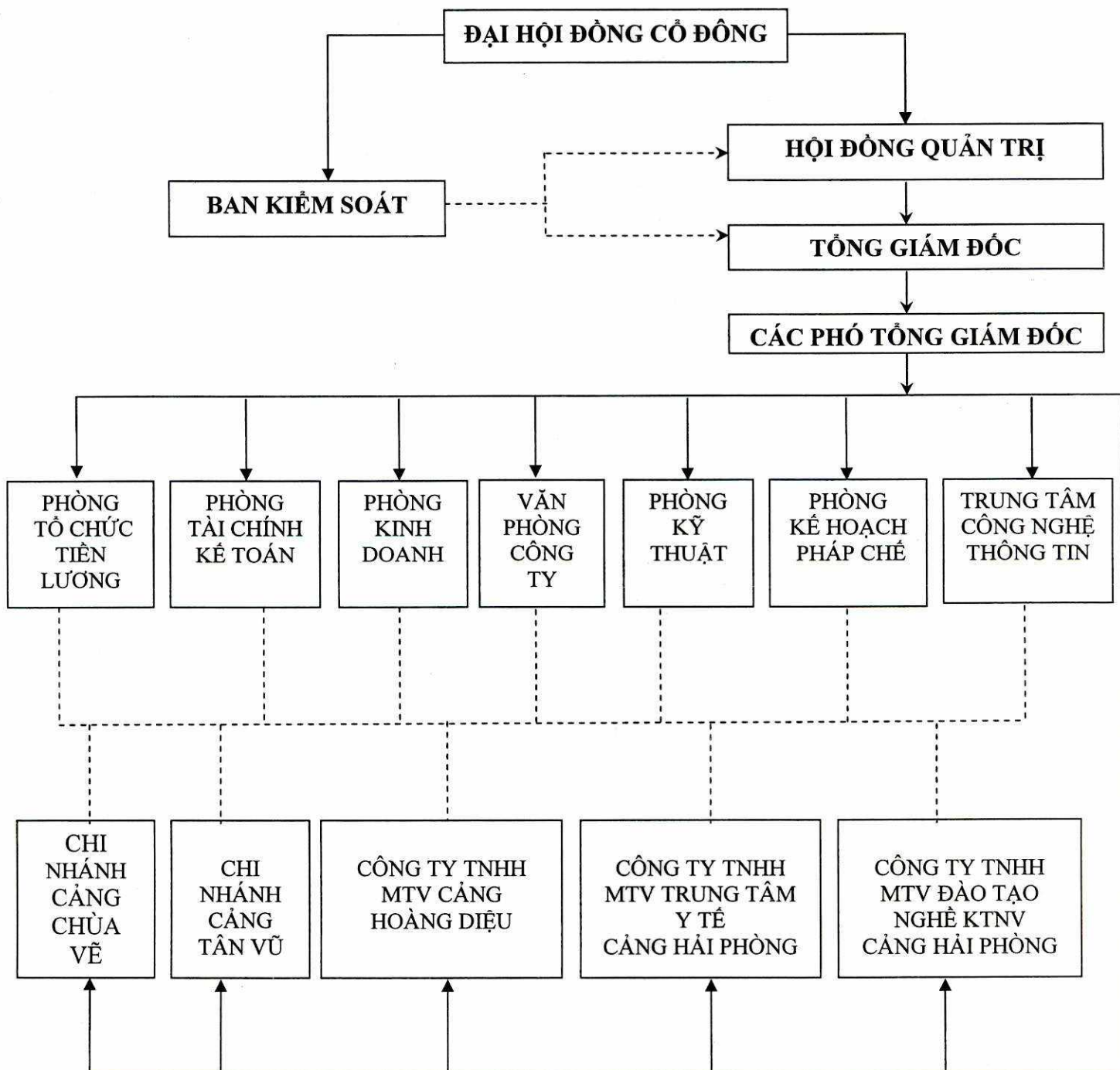
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Chi nhánh, các Phòng ban chức năng, các doanh nghiệp Cảng Hải Phòng có vốn góp.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG



3.3. Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp của CTCP Cảng Hải Phòng tại doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu (%)
CÔNG TY CON					
1	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Số 3 Đường Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Bốc xếp hàng hóa	430.000.000.000	100%
2	Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Số 5 đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	Giáo dục nghề nghiệp	1.000.000.000	100%
3	Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23 đường Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	15.000.000.000	100%
4	CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	Phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Kinh doanh kho, bãi. Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa. Dịch vụ xuất nhập khẩu. Vận tải hàng hóa đa phương thức. Dịch vụ hàng hải. - Khai thác - Kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công san lấp mặt bằng. Dịch vụ kho vận,	204.000.000.000	51%

			<p>dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh cho thuê nhà, văn phòng, nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch. - Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng. - Kinh doanh và vận tải xăng dầu. - Mua bán và cho thuê các loại máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành khai thác cảng. - Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông và công nghiệp. - Mua bán sắt, thép, kim loại màu, phế liệu phá dỡ tàu biển. - Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh và đầu tư phát triển nhà ở 		
5	CTCP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Số 4 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Bốc xếp hàng hóa, bảo quản, giao nhận hàng hóa - Dịch vụ chuyển tải hàng hóa - Cho thuê tàu lai - Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy - Hoạt động tàu lai đưa tàu cập bến cảng - Trục vớt tàu thuyền - Kinh doanh kho bãi 	16.200.000.000	60%

CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Đình Vũ	KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi, bốc xếp, lưu kho, vận tải hàng hóa	Gián tiếp qua CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ là 13.680.000.000	23,26 %
2	Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ	KCN Đình Vũ, Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi, bốc xếp, lưu kho, vận tải hàng hóa	Gián tiếp qua CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ là 128.672.013.800	26,01 %
3	Công ty cổ phần Vận tải Container Đông Đô	Số 21 Võ Thị Sáu, Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	6.300.000.000	32,24 %
4	Công ty cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Đầm Mắm, Hạ Đoạn 2, phường Đông hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	3.000.000.000	20,12 %
5	Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại hàng hải Hải Phòng	Tầng 2, Tòa nhà số 2 Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	23.500.000.000	27,61 %
6	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 3 Đường Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	31.440.000.000	35,31 %
7	Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc	Số 55 Nguyễn Trãi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5.000.000.000	58,82 %
8	Công ty cổ phần HGH	Lô đất CN 2.6A, Khu	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên	11.596.000.000	38,80 %

	Logistics	công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	quan đến vận tải		
--	-----------	--	------------------	--	--

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Cảng Hải Phòng:
 - + Phát huy truyền thống, giữ vững thương hiệu Cảng Hải Phòng - Cảng chủ lực của miền Bắc đất nước; đảm bảo xây dựng và phát triển Cảng Hải Phòng theo đúng định hướng, tạo sự ổn định và phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu; giữ vững và phát triển thị trường, ổn định việc làm và thu nhập của người lao động.
 - + Đổi mới hệ thống quản trị; mở rộng các dịch vụ để tạo thành sức mạnh tổng hợp tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu khách hàng; cơ cấu lại lao động, đổi mới công nghệ xếp dỡ, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp.
- Định hướng phát triển Cảng Hải Phòng giai đoạn 2017-2020:
 - + Tập trung hoàn thiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ kết hợp với việc trang bị hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, nhằm đảm bảo mục tiêu: sản lượng thông qua 1,5 triệu TEU/năm, năng suất ngang với các cảng tiên tiến trong khu vực và là cảng số 1 tại Việt Nam.
 - + Từ nay đến năm 2020 đầu tư 02 bến container tại khu vực Lạch Huyện theo định hướng phát triển mở rộng của Cảng Hải Phòng, giữ được thị phần và giữ được các khách hàng container lớn.
 - + Có kế hoạch di dời và sử dụng hiệu quả các bến tại khu vực Hoàng Diệu và Chùa Vẽ.
 - + Tiếp tục sắp xếp lại cơ cấu tổ chức trên cơ sở tăng năng suất lao động. Xác định mục tiêu nhiệm vụ xuyên suốt là cảng trọng tâm của khu vực dẫn đầu về sản lượng xếp dỡ hàng container, tiếp tục duy trì vai trò cảng tổng hợp lớn nhất ở phía Bắc, xếp dỡ tất cả các mặt hàng (trong đó có hàng quân sự, lỏng). Khai thác có hiệu quả năng lực nội tại của Cảng Hải Phòng nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí sản xuất đảm bảo tính cạnh tranh.
 - + Giữ vững và mở rộng khai thác tại các khu vực vùng nước.
 - + Nghiên cứu mở rộng các dịch vụ phụ trợ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.
 - + Tăng cường các hoạt động gắn kết Cảng Hải Phòng với khách hàng.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Cam kết áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001. Tuân thủ các quy định về

môi trường theo luật định, sử dụng tiết kiệm trong sản xuất (điện, nước, nguyên nhiên vật liệu, ...)

5. Các rủi ro

- Ngày 06/01/2017 thành phố Hải Phòng đã khởi công xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ, dự kiến hoàn thành quý I/2019. Cảng Hải Phòng đã thực hiện bàn giao mặt bằng tại khu vực cầu 9,10,11 của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu (đơn vị do Cảng Hải Phòng nắm giữ 100% vốn điều lệ) để phục vụ việc xây cầu.

- Từ 01/01/2017, thành phố Hải Phòng đã tiến hành thu phí “Sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ khu vực các cửa khẩu cảng biển Hải Phòng” đối với tất cả hàng hóa tạm nhập, tái xuất, hàng chuyên khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh. Khách hàng có xu hướng chuyển hướng khai thác ngoài khu vực Hải Phòng để giảm chi phí.

- Tháng 3/2017, thành phố Hải Phòng đã bắt đầu triển khai xây cầu vượt tại ngã ba Chùa Vẽ - Đình Vũ, phương tiện vận chuyển không thể lưu thông qua khu vực xây dựng cầu làm tăng cự ly vận chuyển của khách hàng nên một số khách hàng di dời cảng khai thác để giảm chi phí.

- Năm 2017 vẫn tiếp tục khó khăn do dư thừa lượng lớn tải trọng, giá cước vận tải cạnh tranh mạnh. Do vậy, các hãng tàu khai thác tại khu vực Hải Phòng tiếp tục thực hiện chính sách năm 2016 là cắt giảm chi phí khai thác tàu, giảm số chuyến khai thác và sáp nhập một số hãng tàu để cùng khai thác. Đối với hãng tàu nội địa trong năm 2017 tiếp tục khó khăn, tình trạng một số hãng phải giảm số chuyến, giảm số cảng khai thác của năm 2016 vẫn không có nhiều biến chuyển tích cực trong năm 2017. Việc thị trường vận tải biển khó khăn đã tác động lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của các cảng biển trong khu vực nói chung và Cảng Hải Phòng nói riêng.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 tiếp tục là một năm với nhiều thách thức trong sản xuất kinh doanh của Cảng Hải Phòng. Các yếu tố về thị trường, về chính sách, về quy hoạch đô thị của thành phố cùng tác động đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý khách hàng đang sử dụng dịch vụ tại Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp khắc phục khó khăn nhằm đảm bảo đời sống lao động cũng như quyền lợi của cổ đông.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

2.1.1. Tổng Giám đốc Nguyễn Hùng Việt

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Minh Quân, Huyện Trần Yên, Tỉnh Yên Bái
- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
12/1978 ÷ 06/1987	Cảng Hải Phòng - Công nhân lái cần trục đế
07/1987 ÷ 03/2000	Cảng Hải Phòng - Cán bộ đoàn chuyên trách
04/2000 ÷ 10/2003	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Chánh Văn phòng Công đoàn
11/2003 ÷ 10/2005	Tổng Công ty xây dựng đường thủy - Trưởng phòng, trợ lý Tổng Giám đốc
10/2005 ÷ 06/2009	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Phó Trưởng ban Tổ chức tiền lương, trợ lý Chủ tịch Hội đồng thành viên
07/2005 ÷ 03/2011	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tổ chức tiền lương
04/2011 ÷ 10/2013	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty
10/2013 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty
07/2014 ÷ đến nay	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

2.1.2. Phó Tổng Giám đốc Trương Văn Thái

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nghĩa Thịnh, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý và Điều hành cảng biển, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Cử nhân Anh Văn.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
08/1979 ÷ 12/1989	Cảng Hải Phòng - Cán bộ điều hành sản xuất
01/1990 ÷ 12/1993	Cảng Hải Phòng - Thư ký Tổng hợp
01/1993 ÷ 05/1995	Ban quản lý dự án Cảng Hải Phòng - Phó Chủ nhiệm điều hành
05/1995 ÷ 03/1998	Ban quản lý dự án - Cảng Hải Phòng - Phó Chủ nhiệm điều hành
03/1998 ÷ 05/2003	Ban quản lý dự án Cảng Hải Phòng - Chủ nhiệm điều hành dự án
05/2003 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
07/2014 ÷ đến nay	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam, thành viên HĐQT Công ty cổ phần vận tải container Đông Đô.

2.1.3 Phó Tổng Giám đốc Cao Trung Ngoan

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Thái Thủy, Thái Thụy, Thái Bình.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư Kinh tế vận tải biển; Cử nhân Nga văn; Chứng chỉ C Anh văn.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
11/1981 ÷ 06/2001	Cảng Hải Phòng – Cán bộ nghiệp vụ
06/2001 ÷ 01/2003	Cảng Hải Phòng - Phó Giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ & Vận tải Đình Vũ
01/2003 ÷ 02/2006	Cảng Hải Phòng - Phó Giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ & Vận tải Bạch Đằng
02/2006 ÷ 01/2007	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Lao động tiền lương
02/2007 ÷ 11/2008	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Hành chính quản trị
11/2008 ÷ 04/2011	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Khai thác
04/2011 ÷ 06/2014	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc
07/2014 ÷ đến nay	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng;

2.1.4 Phó Tổng Giám đốc Phan Tuấn Linh

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đức Yên, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
08/1996 - 11/1999	Công ty Trafedil Hải Phòng - Cán bộ kỹ thuật
11/1999 - 08/2000	XNXD & Vận tải thủy Cảng Hải Phòng - Cán bộ kỹ thuật
08/2000 - 05/2004	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Kế hoạch Đầu tư
05/2004 - 12/2004	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Đầu tư và đổi mới công nghệ
12/2004 - 02/2007	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên phòng Kỹ thuật công nghệ
02/2007 - 07/2008	Cảng Hải Phòng - Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
07/2008 - 04/2012	Cảng Hải Phòng - Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ

04/2012 - 06/2013	Cảng Hải Phòng - Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
06/2013 - 06/2014	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
07/2014 - 09/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ
09/2015 - nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, thành viên HĐQT Công ty cổ phần lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng.

2.1.5 Phó Tổng Giám đốc Phạm Hồng Minh

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tự Tân, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Kỹ thuật, Kỹ sư Công trình thủy, Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
11/1997 - 09/2001	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Công trình
09/2001 - 12/2010	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công trình
12/2010 - 09/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kỹ thuật Công trình,
09/2015 - nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu, Chủ tịch Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng

2.1.6 Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Tường Anh

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Ngày vào Đảng: 07/12/2002 Ngày chính thức: 07/12/2003
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
06/1994 - 09/1995	Cảng Hải Phòng - Cán bộ chỉ đạo Xí nghiệp Containe
10/1995 - 06/2001	Chi nhánh Công ty vận tải và thuê tàu (Vietfracht) Hải Phòng - Nhân viên phụ trách chứng từ Phòng đại lý Hãng tàu Mitsui OSK Lines
07/2001 - 09/2002	Cảng Hải Phòng - Chuyên viên Phòng Kinh doanh
10/2002 - 01/2007	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Phòng Đại lý và Môi giới hàng hải
02/2007 - 06/2010	Cảng Hải Phòng - Phó giám đốc XNXD Chùa Vẽ

07/2010 - 03/2012	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng Kinh doanh
04/2012 - 03/2015	Cảng Hải Phòng - Trưởng phòng Kinh doanh
04/2015 - 06/2016	Cảng Hải Phòng - Giám đốc Chi nhánh Cảng Tân Vũ
07/2016 - nay	Cảng Hải Phòng - Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần vận tải container Đông đô Cảng Hải Phòng, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn, Phó Chủ tịch HĐQT CTCP HGH Logisites.

2.1.7 Kế toán trưởng Trần Thị Thanh Hải:

- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Bình Minh, Huyện Nam Trực, Nam Định
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Ngành kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Công tác
08/1993 - 01/1998	Cảng Hải Phòng - XNXD & Vận tải thủy - Nhân viên kế toán Ban Tài chính kế toán
02/1996 - 06/1999	Cảng Hải Phòng - Kiểm toán viên Phòng Kiểm toán nội bộ
07/1999 - 04/2002	Cảng Hải Phòng - XNXD & Vận tải thủy - Phó Trưởng Ban Tài chính kế toán
05/2002 - 12/2002	Cảng Hải Phòng - XN sửa chữa cơ khí - Trưởng Ban Tài chính kế toán
04/2004 - 11/2013	Cảng Hải Phòng - Phó Trưởng phòng TCKT
12/2013 - 06/2014	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng phòng tài chính kế toán
07/2014 - đến nay	Cảng Hải Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán Trưởng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng BKS Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Trưởng BKS Công ty cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng, thành viên BKS Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Không có

2.3. Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số lao động bình quân (bao gồm lao động do Cảng Hải quản lý và lao động thuê ngoài) tính đến 31/12/2017: 3.362 người

Các chính sách đối với người lao động được Cảng Hải Phòng xây dựng và thực hiện trên cơ sở quy định pháp luật của Nhà nước, Thỏa ước lao động tập thể.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư:

Trong năm 2017, Cảng Hải Phòng tiếp tục đầu tư trọng điểm vào khu vực Chi nhánh Cảng Tân Vũ về cả cơ sở hạ tầng và thiết bị kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Cảng Hải Phòng đã triển khai thuê phần mềm quản lý, khai thác container. Dự án thuê phần mềm kết hợp với hệ thống DGPS đã khắc phục dứt điểm không còn tình trạng dừng hệ thống, đáp ứng các yêu cầu về quản lý, khai thác container, giải quyết nhanh các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong thời gian chờ đầu tư hệ thống CNTT quản lý, khai thác container tổng thể tại Cảng Tân Vũ, tổ chức điều hành tập trung theo mô hình Trung tâm điều hành sản xuất, đảm bảo cung cấp dữ liệu theo thời gian thực cho các hãng tàu và phục vụ việc kết nối dữ liệu Hải quan đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo lợi thế cạnh tranh của Cảng Hải Phòng.

Bên cạnh đó, Cảng Hải Phòng vẫn tiếp tục theo sát dự án đầu tư tại khu vực cảng quốc tế Lạch Huyện, phân đầu khởi công xây dựng trong quý IV năm 2018.

Khối lượng thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2017 thực hiện 406,567 tỷ đồng đạt 85,44% kế hoạch năm 2017 (475,834 tỷ đồng). Trong đó đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện 47,313 tỷ đồng đạt 39,93% kế hoạch năm; đầu tư mua sắm thiết bị thực hiện 350,182 tỷ đồng (vượt 21,12% kế hoạch năm); đầu tư CNTT thực hiện 9,072 tỷ đồng đạt 21,1 % kế hoạch năm.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Dự án đầu tư	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện Năm 2017	% So sánh TH/KH 2017
- Đầu tư cơ sở hạ tầng	124,750	47,313	39,93
- Đầu tư mua sắm thiết bị	289,100	350,182	121,128
- Công nghệ thông tin	42,984	9,072	21,106
- Các dự án đầu tư mở rộng cảng	19,000	0	0
Tổng cộng	475,834	406,567	85,44

Đánh giá thực hiện dự án:

- Tổng giá trị thực hiện các dự án đầu tư mua sắm thiết bị trong năm 2017 vượt 21,12% kế hoạch năm là do tiến độ giải ngân được đẩy nhanh để sớm đưa thiết bị vào khai thác nhằm tăng năng suất xếp dỡ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Các dự án hoàn thành xong đã kịp thời đưa vào khai thác và đạt hiệu quả cao.

- Một số công trình đầu tư nhỏ tại các chi nhánh được giãn tiến độ do chưa cấp thiết

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

3.2.1. Công ty con

a. Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu

- Kết quả sản xuất kinh năm 2017

+ Doanh thu: 364.235.998.608 đồng

+ Chi phí: 357.071.231.346 đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 7.164.767.262 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: 5.649.550.821 đồng

- Tình hình tài chính:

+ Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 474.796.964.394 đồng

+ Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 43.358.942.306 đồng

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 431.438.022.088 đồng.

b. Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng

- Kết quả sản xuất kinh năm 2017

+ Doanh thu: 4.363.714.158 đồng

+ Chi phí: 4.602.185.902 đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: (238.471.744) đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: (238.471.744) đồng

- Tình hình tài chính:

+ Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 15.746.068.144 đồng

+ Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 984.539.888 đồng

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 14.761.528.256 đồng

c. Công ty TNHH MTV Đào tạo KTNV Cảng Hải Phòng

- Kết quả sản xuất kinh năm 2017

+ Doanh thu: 3.850.797.855 đồng

+ Chi phí: 3.847.286.731 đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 3.511.124 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: (2.271.101) đồng

- Tình hình tài chính:

+ Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 1.790.528.676 đồng

+ Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 792.799.777 đồng

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 997.728.899 đồng

d. Công ty Cổ Phần Lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

+ Doanh thu: 63.493.213.116 đồng

+ Chi phí: 62.892.004.616 đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 601.208.500 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế: 437.759.711 đồng

- Tình hình tài chính:

+ Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 34.642.688.783 đồng

+ Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 5.001.529.072 đồng

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 29.641.159.711 đồng

e. Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

+ Sản lượng: 661.372 teu

- + Doanh thu: 690.420.952.746 đồng
- + Chi phí: 374.021.707.871 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 316.399.244.875 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế: 287.439.348.771 đồng
- + Cổ tức năm 2017: dự kiến 40% vốn điều lệ
- Tình hình tài chính:
 - + Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 1.097.489.542.907 đồng
 - + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 119.715.983.452 đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 977.773.559.455 đồng

3.2.2 Công ty liên kết

a. Công ty cổ phần Tiếp Vận Đình Vũ

- Kết quả sản xuất kinh doanh 2017:
 - + Doanh thu: 77.336.423.818 đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 12.195.218.273 đồng
- Tình hình tài chính:
 - + Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 56.111.075.484 đồng
 - + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 5.114.260.951 đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 50.996.814.533 đồng

b. Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ

- Kết quả sản xuất kinh doanh 2017:
 - + Doanh thu: 193.190.077.254 đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 56.208.973.496 đồng
- + Tình hình tài chính:
 - Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 343.128.377.543 đồng
 - + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 15.739.127.573 đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 327.389.249.970 đồng

c. CTCP Vận tải Container Đông Đô

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:
 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017
 - + Doanh thu: 9.614.224.058 đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: (359.259.567) đồng
- Tình hình tài chính:
 - + Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 6.778.705.361 đồng
 - + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 8.605.111.953 đồng
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: (1.826.406.592) đồng

d. CTCP Logistics Cảng Sài Gòn

- Kết quả sản xuất kinh năm 2017:
 - + Doanh thu: 17.593.853.768 đồng

- + Lợi nhuận trước thuế: 114.539.359 đồng
- Tình hình tài chính:
- + Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 15.487.085.169 đồng
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 2.191.495.927 đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 13.295.589.242 đồng

e. CTCP Đầu tư và TMHH Hải Phòng

- Kết quả sản xuất kinh năm 2017
- + Doanh thu: 547.855.399 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: (744.551.586) đồng
- Tình hình tài chính:
- + Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 91.170.891.676 đồng
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 1.833.255.712 đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 89.337.635.964 đồng

f. CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017
- + Doanh thu: 24.742.005.665 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: (6.372.328.662) đồng
- Tình hình tài chính:
- + Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 232.356.469.235 đồng
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 152.314.134.947 đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 80.042.334.288 đồng

g. Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc

Công ty đã tạm dừng hoạt động từ năm 2014

h. CTCP HGH Logistics

- Kết quả sản xuất kinh năm 2017
- + Doanh thu: 15.194.295.788 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 870.611.284 đồng
- Tình hình tài chính:
- + Tổng tài sản tính đến 31/12/2017: 33.153.343.687 đồng
- + Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2017: 2.071.463.417 đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017: 31.081.880.270 đồng

4. Tình hình tài chính

(Bao gồm số liệu tài chính của CTCP Cảng Hải Phòng và 03 công ty con do CTCP Cảng Hải Phòng sở hữu 100% vốn điều lệ)

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ 2017/2016 (%)
Tổng giá trị tài sản	4.837.753.613.510	4.909.034.117.040	101,47%
Doanh thu thuần	1.734.275.290.246	1.443.860.633.032	83,25%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	510.653.367.708	316.321.160.744	61,94%
Lợi nhuận khác	1.974.822.833	14.359.195.780	727,11%
Lợi nhuận trước thuế	512.628.190.541	330.680.356.524	64,51%
Lợi nhuận sau thuế	450.424.038.208	282.779.861.294	62,78%

4.2 Hiệu quả sử dụng vốn

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017
Vốn chủ sở hữu	3.714.099.340.555	3.800.999.300.889
Tổng tài sản	4.837.753.613.510	4.909.034.117.040
Lợi nhuận sau thuế	450.424.038.208	282.779.861.294
Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	0,12	0,07
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	0,09	0,06

4.3 Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,37	3,59
	Hệ số thanh toán nhanh	3,30	3,50
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,23	0,23
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,30	0,29
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	0,26	0,20
	Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	0,12	0,07
	Hệ số LNST/ Tổng tài sản	0,09	0,06
4	Mức độ bảo toàn vốn	1,12	1,11

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Tính đến thời điểm 26/3/2018)

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 326.960.000 cổ phần.
 + Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 325.494.800 cổ phần
 + Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 1.465.200 cổ phần
 Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông		Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Trong nước	Cá nhân	15.679.500	4,79%
		Tổ chức	311.097.700	95,15%
2	Nước ngoài	Cá nhân	6.400	0,002%
		Tổ chức	176.400	0,053%
3	Tỷ lệ sở hữu	Lớn	302.641.377	92,56%
		Nhỏ	24.318.623	7,44%

Danh sách cổ đông nước ngoài

STT	QUỐC TỊCH	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ(10)	SỐ CP	CN/TC
1	Japan	KATO TAKANORI	36 Kamimizunocyo Setoshi Aichi, Japan		Cá nhân
2	Japan	KATO TAKANORI	Lot LD4 Thạch Thất- Quoc Oai Industrial zone, Phung Xa Commune, Thạch Thất Dist, Ha Noi, Viet Nam		Cá nhân
3	Japan	AIZAWA SECURITIES CO.,LTD	1-20-3, Nihonbashi, Chuo-Ku, Tokyo, JP 103-0027		Tổ chức
4	Republic of Korea	KIM HYUNOH	105202dong, 1013ho, Sanghwa-ro 373, Dalseo-gu, Taegusi, Kyongsangbuk-do, Korea		Cá nhân
5	Republic of Korea	SEO MIN WOO	76 Hoa Sữa II, Vinhomes Riverside, Long Biên, Hà Nội		Cá nhân
6	Republic of Korea	MIRAE ASSET DAEWOO CO.,LTD	26, Eulji-ro 5-gil, jung- gu, Seoul, Korea		Tổ chức
7	Republic of Korea	SHINHAN INVESTMENT CORP.	23-2, Yoido-Dong, Youngdeungpo-Gu, Seoul, 150-712, Korea		Tổ chức
8	Thailand	PICHA AMMATMANEE	215/5 PRASERTMANUKIT 29 RD. JARAKAE BUA, LADPRAO, BANGKOK 10230 THAILAND		Cá nhân
9	Thailand	Finansia Syrus Securities Public Company Limited	999/9 The Offices@Central Word, 18th Floor, Rama I Road, Pathumwan Sub- District, Pathumwan		Tổ chức

			District, Bangkok Metropolis	
10	Thailand	KT ZMICO SECURITIES COMPANY LIMITED	16TH FLOOR, LIBERTY SQUARE BUILDING, 287 SILOM ROAD, BANGRAK, BANGKOK 10500, THAILAND	Tổ chức
11	Thailand	MAYBANK KIM ENG SECURITIES (THAILAND) PUBLIC COMPANY LIMITED	999/9 The Offices of Central World 20-21, 24 Fl, Rama 1 Road, Pathumwan, Bangkok Thailand	Tổ chức
12	France	ALEXANDRE ROBERT IDARECI	Plaza Mont Kiara B-5-8 in Mont Kiara, Kuala Lumpur 50480, Malaysia	Cá nhân
13	Cayman Islands	DCG ASIA VALUE MASTER FUND	WALKER HOUSE, GEORGE TOWN, GRAND CAYMAN KY1-9005, CAYMAN ISLANDS	Tổ chức
14	Canada	NELSON SERGE RAND	647/272 Lat Phrao Soi 5, Bangkok Thailand, 10900	Cá nhân
Tổng cộng				

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tiêu thụ năng lượng

* Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp trong năm 2017:

- Điện: 17.590.215 kw (tổng chi phí phải chi trả là 30.301.737.778 đồng)
- Dầu diesel : 2.181.473 lít (tổng chi phí phải chi trả là 27.461.872.191 đồng)
- Xăng : 94.277 lít (tổng chi phí phải chi trả là 1.662.283.595 đồng)
- Dầu nhờn: 115.371 lít (tổng chi phí phải chi trả là 7.553.839.500 đồng)

6.2 Tiêu thụ nước

* Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: CTCP Cấp nước Hải Phòng
 - Lượng nước sử dụng trong năm 2017: 90.289,4 m³
 - Tổng chi phí cho lượng nước sử dụng trong năm 2017: 2.031.510.410 đồng
- (Lượng nước trên được sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất kinh doanh)

6.3 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:

Không

b) Tổng số tiền do xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:

Không

6.4 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động bình quân trong năm 2017 (bao gồm lao động do Cảng Hải Phòng quản lý và lao động thuê ngoài): 3.362 người

- Tổng quỹ lương được chi năm 2017: 423,730 triệu đồng

- Thu nhập bình quân cán bộ công nhân viên: 11,636 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, và phúc lợi của người lao động

- Thực hiện các quy định về An toàn lao động, quy trình công nghệ xếp dỡ, thực hiện đầy đủ công tác trang bị bảo hộ lao động đúng quy trình, tiêu chuẩn theo quy định, tạo điều kiện làm việc hợp lý và hiệu quả cho người lao động.

- Bố trí và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật, toàn bộ lao động được Cảng Hải Phòng ký hợp đồng lao động, đảm bảo các chế độ, quyền lợi theo quy định: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định, được thực hiện đầy đủ chế độ liên quan về bảo hiểm như: phép, ốm đau, thai sản, tử tuất, tăng cường công tác tuyên truyền, huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động, nâng cao nhận thức cho người lao động để người lao động có ý thức tự bảo vệ mình, phòng tránh tai nạn lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm, Cảng Hải Phòng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động của công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế của công ty. Sau khi kế hoạch được HĐQT phê duyệt, Tổng giám đốc sẽ triển khai thực hiện.

Hình thức đào tạo:

- Tổ chức lớp học tập trung tại trụ sở công ty.

- Cử cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo do đơn vị ngoài tổ chức.

- Đào tạo tập trung hoặc đào tạo trực tiếp kèm cặp tại đơn vị.

Nội dung đào tạo:

- Đào tạo quản lý, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên khối gián tiếp, phục vụ.

- Đào tạo bồi dưỡng nghề cho lực lượng công nhân trực tiếp.

- Đào tạo bổ sung nghề cho một số chức danh trực tiếp.

- Đào tạo nâng bậc lương cho người lao động.

Thời gian đào tạo:

Chương trình đào tạo có thể thực hiện trong 01 – 02 ngày, có thể 15-20 ngày hoặc 01 – 03 tháng tùy thuộc chương trình đào tạo, đối tượng đào tạo.

6.5 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là một trong những doanh nghiệp lớn của thành phố, Cảng Hải Phòng luôn đề cao tinh thần cộng đồng, trách nhiệm xã hội. Hưởng ứng các hoạt động cộng đồng địa phương, Cảng Hải Phòng đã thể hiện sự chung tay góp sức trong các hoạt động xã hội của thành phố thông qua nhiều hình thức trực tiếp, gián tiếp. Ngoài ra, với đặc thù là doanh nghiệp cảng biển, Cảng Hải Phòng luôn dành một sự quan tâm đặc biệt trong chính sách và tài chính đối với công tác bảo vệ môi trường.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Thuận lợi và khó khăn trong năm 2017

Năm 2017 tiếp tục là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp vận tải biển và các doanh nghiệp khai thác cảng.

Thị trường vận tải: Năm 2017 vẫn tiếp tục khó khăn do dư thừa lượng lớn tải trọng, giá cước vận tải cạnh tranh mạnh. Do vậy, các hãng tàu khai thác tại khu vực Hải Phòng tiếp tục thực hiện chính sách năm 2016 là cắt giảm chi phí khai thác tàu, giảm số chuyến khai thác và sáp nhập một số hãng tàu để cùng khai thác. Đối với hãng tàu nội địa trong năm 2017 tiếp tục khó khăn, tình trạng một số hãng phải giảm số chuyến, giảm số cảng khai thác của năm 2016 vẫn không có nhiều chuyển biến tích cực trong năm 2017. Việc thị trường vận tải biển khó khăn đã tác động lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của các cảng biển trong khu vực nói chung và Cảng Hải Phòng nói riêng.

Thị trường hàng hóa tại khu vực Hải Phòng: Trong năm 2017, hàng hóa thông qua cảng biển khu vực Hải Phòng không tăng trưởng, sản lượng bằng 99% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó: hàng container tăng 10%, nhưng hàng ngoài container sụt giảm mạnh (giảm 18%) so với cùng kỳ năm 2016. Chính sách giá sàn chính thức được thực hiện trong năm 2017 đã buộc các doanh nghiệp phải tăng cường giảm giá, giảm tỷ lệ chiết khấu cho khách hàng khiến cho mặt hàng container vốn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu khai thác cũng sụt giảm lợi nhuận đáng kể. Đồng thời, do nguồn hàng sụt giảm dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các cảng trong cùng khu vực, đặc biệt là với mặt hàng ngoài container khi một số cảng trước đây chuyên khai thác tàu container nay chuyển sang khai thác hàng bách hóa tổng hợp. Ngoài ra, do chịu ảnh hưởng của việc Thành phố thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, một số chủ hàng đã thực hiện việc xếp dỡ đi thẳng tại vùng nước Hạ Long- Quảng Ninh, không chuyển tải về các cầu khu vực Hải Phòng nhằm tiết giảm chi phí, sản lượng hàng thông quan Hải Phòng chuyển tải tại Quảng Ninh giảm trên 45% so với cùng kỳ năm 2016.

Một số yếu tố khác ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Cảng:

Đối với hàng container: Mặt hàng này chủ yếu chịu sự tác động của chính sách nhà nước trong một số lĩnh vực như giảm phí thu cầu bến, giá sàn hàng container từ 01/07/2017, tăng chi phí điện, nước, chi phí về môi trường, kiểm định,... tăng thuế đất,...v.v.. ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Cảng.

Đối với hàng ngoài container: Cầu vượt tại ngã ba Chùa Vẽ - Đình Vũ – Nguyễn Bình

Khiêm khởi công vào đầu quý 2 và đến cuối quý 4 năm 2017 mới hoàn thành, đã ảnh hưởng tăng cự ly vận chuyển hàng từ Cảng Hoàng Diệu, Cảng Chùa Vẽ về kho bãi chứa hàng, bãi depot của một số chủ hàng, nên chủ hàng thay đổi, lựa chọn cảng phù hợp cự ly vận chuyển để tiết giảm chi phí, cảng muốn giữ khách hàng phải có chính sách hỗ trợ khách hàng, do đó doanh thu của cảng bị ảnh hưởng giảm với một số mặt hàng, đặc biệt các mặt hàng gỗ cây, thạch cao...

1.2. Kết quả thực hiện sản lượng, doanh thu, lợi nhuận

a. Sản lượng:

Tổng sản lượng thực hiện của Cảng Hải Phòng: 23.894.000 triệu tấn đạt 88,6% kế hoạch năm 2017 (26,982 triệu tấn) và bằng 90,8% so với thực hiện năm 2016 (26,33 triệu tấn). Trong đó: Hàng container: Thực hiện 1.110.000 TEU tăng 2,2% so với năm 2016 (1.086.000 TEU).

+ Sản lượng thực hiện của chi nhánh Cảng Chùa Vẽ: 2.872.000 tấn, bằng 74,9% so với thực hiện năm 2016 và đạt 66,8% kế hoạch năm 2017. Trong đó, sản lượng hàng container đạt 149.500 TEU, bằng 73,8% năm 2016 và đạt 74,8% kế hoạch năm 2017

+ Sản lượng thực hiện của chi nhánh Cảng Tân Vũ: 15.237.000 tấn, tăng 12,7% so với thực hiện năm 2016 và đạt 105,1% kế hoạch năm 2017. Trong đó, sản lượng hàng container đạt 960.000 TEU, tăng 8,6% so với thực hiện năm 2016 và đạt 98% kế hoạch năm 2017.

+ Sản lượng thực hiện của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu: 5.268.000 tấn, bằng 64,4% so với thực hiện năm 2016 và đạt 71,4% kế hoạch năm 2017.

b. Doanh thu:

Cảng Hải Phòng thực hiện 1.595,4 tỷ đồng đạt 85,1% kế hoạch (1.875 tỷ đồng) và bằng 82,6% so với thực hiện năm 2016 (1.932,27 tỷ đồng), trong đó doanh thu từ khai thác Cảng thực hiện 1.443,86 tỷ đồng, bằng 83,3% so với thực hiện năm 2016 (1.734,28 tỷ đồng).

c. Lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế toàn Cảng Hải Phòng: 330,68 tỷ đồng đạt 69,9% kế hoạch năm 2017 (473,0 tỷ đồng), bằng 64,5% so với thực hiện năm 2016 (512,63 tỷ đồng).

Lợi nhuận năm 2017 của Cảng Hải Phòng giảm so với cùng kỳ năm 2016 và kế hoạch năm 2017 là do các yếu tố tác động giảm doanh thu và một số chi phí phát sinh trong kỳ thực hiện kế hoạch đã ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Cảng Hải Phòng, cụ thể :

+ Sản lượng hàng ngoài container của khu vực Hải Phòng sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2016 (bằng 82%, trong đó riêng hàng tại khu vực chuyển tải bằng 48% cùng kỳ) và chịu tác động của việc thành phố Hải Phòng xây các cầu bắc qua sông Cấm, thu phí cơ sở hạ tầng, xây cầu vượt tại ngã ba Đình Vũ – Chùa Vẽ.

+ Hàng container tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2016, nhưng do cạnh tranh mạnh nên giá cước giảm so với cùng kỳ năm 2016. Mặt khác, do hàng tạm nhập tái xuất giảm

manh, đặc biệt hàng container lạnh, chủ hàng hạn chế lưu kho bãi, thời gian lưu ít đã ảnh hưởng giảm nguồn thu lưu bãi từ container lạnh (giảm 25,2% so với cùng kỳ năm 2016).

+ Từ 01/01/2017, Cảng áp dụng thực hiện theo biểu khung giá Nhà nước quy định về giá dịch vụ cầu bến, phao neo giảm so với năm 2016, do đó doanh thu cầu bến giảm 35% so với cùng kỳ đã ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận của Công ty

+ Một số chi phí phát sinh tăng: Đơn giá nhiên liệu tăng 22%, đơn giá tiền nước tăng 50% so với năm 2016.

+ Chi phí chi trả cho lao động chấm dứt hợp đồng lao động : 8,1 tỷ đồng

+ Chênh lệch tỷ giá giữa thực hiện và kế hoạch năm 2017: 11,4 tỷ đồng.

+ Ngoài ra còn có chi phí phục vụ di chuyển phương tiện để đáp ứng kịp thời yêu cầu tổ chức khai thác tại Chi nhánh cảng Tân Vũ và một số hạng mục bất thường khác.

1.3. Thực hiện các công việc trọng tâm khác

1.3.1 Công tác kinh doanh tiếp thị

- Phối hợp tốt giữa các cơ quan quản lý nhà nước: Hoa Tiêu, Cảng Vụ,... bố trí điều động tàu hợp lý, ra vào an toàn. Tổ chức khai thác tàu hiệu quả, đảm bảo thời gian giải phóng tàu đúng theo lịch khai thác tàu.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, tổ chức thực hiện tốt chính sách chăm sóc khách hàng nâng cao mối quan hệ mật thiết, giữ vững khách hàng.

- Theo dõi sát tình hình biến động của thị trường và chủ động trước tình hình thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt do một số cảng mới ra đời để có những chính sách điều chỉnh hợp lý kịp thời trong sản xuất kinh doanh, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng thương hiệu để giữ vững và mở rộng thị phần.

- Xây dựng cơ chế chính sách với khách hàng mới năm 2017.

- Thực hiện theo khung giá sàn của Bộ GTVT từ ngày 01/7/2017 giá xếp dỡ hàng container, tuy nhiên để giữ được các hãng tàu gắn bó với Cảng, Cảng Hải Phòng đã có cơ chế hỗ trợ khách hàng ở các dịch vụ GTGT.

- Phối hợp với cơ quan hải quan thực hiện giám sát hải quan đối với hàng container qua khu vực cảng. Tiếp tục phối hợp với Hải Quan trong công tác kết nối dữ liệu cũng như tạo điều kiện để lực lượng công chức Hải quan làm thủ tục, Hải quan giám sát hàng hóa về làm việc tại văn phòng Chi nhánh Cảng Tân Vũ.

1.3.2 Công tác khai thác

- Công tác khai thác điều động bố trí tàu, tổ chức điều hành khoa học hợp lý, đảm bảo năng suất giải phóng tàu, thực hiện giải phóng tàu đúng kế hoạch, không để xảy ra tình trạng tàu chờ cầu, các tàu container ra vào đúng lịch

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, tận dụng khai thác tối đa cầu bến, đảm bảo năng suất lao động

1.3.3 Công tác quản trị

- Tiếp tục tập trung đổi mới công tác quản trị, phương pháp điều hành, tập trung rà

soát lại các khoản chi phí hợp lý, kiểm tra và giám sát việc khoán chi phí trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm chi phí, kinh doanh có hiệu quả.

- Thực hiện tái sắp xếp, thu giảm đầu mối tại văn phòng quản lý. Sau khi thực hiện, hiện nay khối quản lý của Công ty còn 6 phòng và 01 Trung tâm Công nghệ thông tin.

- Sắp xếp lại công tác nhân sự phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế của Cảng Hải Phòng và các doanh nghiệp có vốn góp. Công ty đã thay đổi Người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp sau:

- CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
- CTCP Đầu tư và Thương mại Hàng hải
- CTCP HGH Logistics
- CTCP Logistics Cảng Sài Gòn
- Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu

1.3.4 Công tác kỹ thuật, an toàn và thực hành tiết kiệm

- Công tác chuyên môn kỹ thuật, thực hành tiết kiệm được đổi mới và được quan tâm, đơn đốc thực hiện nghiêm túc. Xây dựng, triển khai áp dụng quy định về quản lý, sử dụng phương tiện thiết bị, công cụ xếp dỡ, bổ sung quy trình công nghệ xếp dỡ container. Xây dựng định mức công việc khối thợ kỹ thuật.

- Công tác an toàn lao động được quan tâm và chú trọng: Đã triển khai các mặt công tác huấn luyện về BHLĐ, PCCC, trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, kiểm tra việc chấp hành nội quy lao động, tổng vệ sinh trong toàn công ty. Thu gom chất thải nguy hại tại các chi nhánh cảng và Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu. Cấp phát quần áo đồng phục cho khối nhân viên giao nhận, kho hàng và may bổ sung đồng phục văn phòng cho khối gián tiếp Công ty. Cải thiện điều kiện sinh hoạt như nước uống, nước tắm phục vụ công nhân. Thực hiện tốt chế độ chính sách về bảo hiểm lao động.

- Công tác phòng chống bão lụt được quan tâm và nghiêm túc triển khai thực hiện. Cảng đã kiện toàn ban chỉ huy phòng chống bão lụt của cảng. Phân công cụ thể và xây dựng phương án chi tiết phòng chống bão lụt và tìm kiếm cứu nạn. Thông báo và triển khai kịp thời công tác phòng chống bão lụt trong toàn Công ty khi có hiện tượng bất thường về thời tiết bão, lốc, mưa lớn,... tại khu vực Cảng Hải Phòng quản lý.

1.3.5 Thu nhập và việc làm

Năm 2017, thu nhập bình quân của CBCNV toàn Công ty đạt 11,636 triệu đồng/người/tháng bằng 91,1% so với cùng kỳ năm 2016 (12,77 triệu đồng/người/tháng) và đạt 92,6% kế hoạch năm 2017 (12,57 triệu đồng/người/tháng).

Số lượng người lao động chấm dứt hợp đồng cao hơn so với những năm trước do Cảng Hải Phòng đang thực hiện tái cơ cấu lực lượng lao động. Đối với chế độ chính sách của người lao động chấm dứt hợp đồng, Cảng Hải Phòng, ngoài các hạng mục bắt buộc theo quy định của pháp luật, công ty đã có sự quan tâm hỗ trợ thêm, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động thực hiện các thủ tục cần thiết.

2. Tình hình tài chính

2.1 Cơ cấu tài sản

Tổng tài sản Cảng Hải Phòng đến thời điểm 31/12/2017 là 4.909.034.117.040 đồng.

Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn trong tổng tài sản tại 1/1/2017 là 26,18% và 73,82%; tại ngày 31/12/2017 là 27,98% và 72,02%.

So với thời điểm đầu năm, tỷ trọng tài sản ngắn hạn có tăng lên, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm đi. Tuy nhiên biến động không đáng kể.

2.2 Khả năng thanh toán ngắn

Cảng Hải Phòng đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả, doanh nghiệp chưa chịu các áp lực tài chính đối với các khoản vay.

2.3 Cơ cấu nguồn vốn

Tại thời điểm 31/12/2017, nợ phải trả chiếm 22,57 % tổng nguồn vốn, tỷ trọng vốn chủ sở hữu tương đối cao trong cơ cấu nguồn vốn tương ứng 77,43%.

Hệ số bảo toàn vốn năm tại 31/12/2017 là 1,11 chứng tỏ doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được nguồn vốn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cảng Hải Phòng đặc biệt chú trọng áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và khai thác nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường nhằm giữ và ổn định nguồn hàng, bám sát thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất chính được ổn định. Bên cạnh các giải pháp thị trường và kỹ thuật, công ty cũng quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và quy hoạch cán bộ nhân sự chủ chốt nhằm tạo nguồn lao động có tính kế thừa, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của công ty.

4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đối với đầu tư mở rộng, Cảng Hải Phòng đặt mục tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng cầu cảng tại khu vực Lạch Huyện đáp ứng nhu cầu hàng hoá và đội tàu thông qua khu vực, giữ vững vai trò, vị thế của doanh nghiệp nòng cốt ngành hàng hải, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải theo thông báo kết luận số 449/TB-VPCP ngày 30/12/2016 của Văn phòng Chính phủ.

- Đối với hợp tác liên doanh, Cảng Hải Phòng đang cùng với các hãng tàu truyền thống xây dựng mô hình liên doanh khai thác depot để hỗ trợ hoạt động khai thác tại cảng, nhằm tăng cường mối quan hệ gắn kết bền chặt giữa các bên.

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Cảng Hải Phòng đã có văn bản giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán, văn bản giải trình biến động kết quả kinh doanh và ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Cảng Hải Phòng đã thực hiện báo cáo, công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định pháp luật.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Cảng Hải Phòng đã nghiêm túc tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường.

Đối với các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, cán bộ công nhân lao động duy trì việc đóng góp vào quỹ hoạt động xã hội nhằm hỗ trợ cho các hoạt động xã hội trong và ngoài thành phố.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2017 Cảng Hải Phòng đã tập trung và triển khai một số công tác trọng tâm sau:

- Sắp xếp, tinh giảm các phòng chuyên môn kết hợp với điều chuyển lao động hợp lý nhằm thu gọn bộ máy phòng ban và nâng cao năng suất lao động.
- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi; có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại hóa các thiết bị, tạo sự phát triển ổn định lâu dài, mở rộng các dịch vụ để tăng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường nhằm đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động các phương tiện thiết bị.
- Chú trọng quan tâm đến chất lượng lao động, tập trung công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng thành thạo các trang thiết bị hiện đại.
- Cần trọng trong công tác đầu tư. Điều phối hài hòa tiến độ các dự án đầu tư theo mức độ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Đảm bảo được việc làm, thu nhập, quyền lợi và chính sách đối với người lao động cho người lao động. Chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán theo quy định (Đơn vị kiểm toán là Công ty kiểm toán KPMG).
- Trong công tác quản trị tài chính doanh nghiệp đã tuân thủ các quy định quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính.
- Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện. Tổ chức cho cán bộ công nhân viên Công ty đi tham quan, du lịch,....

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty

Trong bối cảnh thị trường năm 2017 có nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của Ban điều hành công ty có một số nét nổi bật sau:

Một là, Ban điều hành công ty đã bám sát thị trường, năng động và linh hoạt trong công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, chú trọng vào công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Hai là, Ban điều hành đã tuân thủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế quản trị của công ty các quy định của pháp luật có liên quan. Thực hiện tốt chức năng quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Ba là, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT, Điều lệ, các Quy chế của công ty và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành. Trong Ban điều hành công ty có Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT nên công tác tiếp nhận các thông tin chỉ đạo của HĐQT được kịp thời và giải quyết nhanh chóng.

Bốn là, công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời phục vụ sản xuất; Thực hiện quy trình thủ tục đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật ... đảm bảo thiết bị đầu tư hiện đại, mang tính chuyên môn hóa cao về công nghệ, hiệu quả khai thác, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư được phê duyệt.

Năm là, công tác báo cáo định kỳ của Ban điều hành Công ty đã giúp Hội đồng quản trị có các xử lý, quyết định kịp thời trong công tác chỉ đạo và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị tập trung các nội dung chính sau:

Một là, tiếp tục thực hiện thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh giản bộ máy gián tiếp tại Chi nhánh, Công ty TNHH một thành viên. Đặc biệt tập trung các giải pháp để từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của khu vực Cảng Chùa Vẽ: thông qua việc cơ cấu lại nguồn nhân lực, tài sản và nguồn tài chính. Đồng thời rà soát lại cơ cấu lao động toàn công ty để có sự cân đối, sắp xếp hợp lý, phù hợp với nhu cầu của công ty.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh công tác khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty.

Ba là, Phát huy các nguồn lực đẩy mạnh thực hiện các bước chuẩn bị, thủ tục pháp lý để có thể khởi công xây dựng 02 cầu cảng tại khu vực Lạch Huyện đáp ứng việc di dời Cảng Hoàng Diệu. Việc đầu tư phát triển Cảng Hải Phòng tại khu vực Lạch Huyện là mục tiêu hướng tới để Cảng Hải Phòng giữ vững được vai trò là cảng chủ lực của khu vực phía Bắc.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Số lượng: 07 người.
- Chủ tịch HĐQT: 01 người
- Các thành viên HĐQT tham gia điều hành: 04 người.
- Các thành viên HĐQT không tham gia điều hành (bao gồm cả chủ tịch HĐQT): 03 người.
- Số lượng thành viên HĐQT nắm giữ chức danh tại HĐQT của các Công ty khác: 02 người
- + Ông Cao Trung Ngoan: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng

+ Ông Vũ Tuấn Dương: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Cảng Hải Phòng có một tiểu ban giúp việc là Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định của công ty và các văn bản pháp luật có liên quan. Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp HĐQT, ban hành 114 Nghị quyết, 134 Quyết định. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức đúng trình tự, thủ tục và đã được HĐQT, Ban điều hành triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả.

Danh mục các cuộc họp của HĐQT Cảng Hải Phòng:

STT	Số văn bản	Ngày ký	Nội dung
1.	01/NQ-CHP	16/01/2017	<ul style="list-style-type: none">-Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016-Về kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2017-Về kế hoạch đào tạo năm 2017-Về việc khắc phục khẩn cấp hệ thống MIS-Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin kết nối DGPS tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ-Kiện toàn nhân sự Ban quản lý dự án Công nghệ thông tin của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng-Về dự án đầu tư hệ thống công nghệ thông tin quản lý, khai thác container tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ-Về việc phân cấp, phân quyền cho các công ty TNHH một thành viên và Chi nhánh-Về chủ trương di chuyển cần trục giàn RTG từ Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ sang Chi nhánh Cảng Tân Vũ-Về công tác cán bộ tại các phòng chuyên môn
2.	20/NQ-CHP	13/3/2017	<ul style="list-style-type: none">-Về việc nghiên cứu thuê phần mềm quản lý khai thác container tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ
3.	32/NQ-CHP	18/4/2017	<ul style="list-style-type: none">-Về các nội dung chuẩn bị cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017

			<ul style="list-style-type: none"> -Về kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2017 -Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu -Về phương án Nạo vét mở rộng vũng quay tàu Chùa Vẽ
4.	61/NQ-CHP	19/6/2017	<ul style="list-style-type: none"> -Về dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2017 -Về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 -Về phương án phân phối quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2016 -Quy chế về việc phân phối lợi nhuận -Về phương án hỗ trợ người lao động về hưu trước tuổi -Về phương án sắp xếp lại mô hình tổ chức và lao động; Tình hình sử dụng lao động 06 tháng đầu năm và đề xuất kế hoạch sử dụng lao động 06 tháng cuối năm tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng -Về việc đền bù và di dời Cảng Hoàng Diệu -Về việc phê duyệt dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi) đầu tư xây dựng công trình “Cải tạo cầu 3,4 – Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để phục vụ lắp đặt cầu quay
5.	82/NQ-CHP	3/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> -Về các Dự án công nghệ thông tin -Về việc hoàn thành các hạng mục phụ trợ của tòa nhà điều hành Chi nhánh Cảng Tân Vũ -Công tác phối hợp và kết nối dữ liệu Hải quan -Đề án sắp xếp lại mô hình tổ chức Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng -Vấn đề nhân sự tại các doanh nghiệp có vốn góp của Cảng Hải Phòng -Việc phát triển bến neo/chuyển tải hàng ngoài container tại khu vực Hải Phòng

			-Việc phân phối lợi nhuận năm 2016
6.	83/NQ-CHP	11/8/2017	-Về việc đánh giá tổng thể hệ thống công nghệ thông tin của toàn Công ty -Về Đề án khai thác các điểm neo, bến phao chuyên tải của Cảng Hải Phòng tại khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh -Về các nội dung liên quan đến vấn đề nhân sự của Công ty
7.	97/NQ-CHP	11/10/2017	-Về kết quả sản xuất kinh doanh quý 3/2017, 9 tháng đầu năm 2017; kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4/2017 và dự kiến thực hiện cả năm 2017 của Công ty -Về phương án sử dụng bãi và phương tiện thiết bị tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ và Chi nhánh Cảng Tân Vũ -Về phương án đổi mới phương thức sản xuất tại các điểm neo -Về việc thoái vốn của Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc -Về phương án thành lập Trung tâm điều hành sản xuất tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ
8.	105/NQ-CHP	20/11/2017	-Về kết quả sản xuất kinh doanh tháng 10/2017, kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 11/2017 -Về việc thay đổi tài sản, vốn chủ sở hữu khi thực hiện di dời 03 cầu 9,10,11 tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu -Về phương án sử dụng bãi tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ -Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình “Cải tạo cầu 3,4 - Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để phục vụ lắp đặt cầu quay” -Về việc cho thuê phương tiện thiết bị -Về Quy chế hỗ trợ người lao động nghỉ hưu trước tuổi tại Công ty

1.4 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và trích thưởng cho các thành viên từ nguồn Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp.

Tổng quỹ lương thực chi (áp dụng cho Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách – 08 thành viên) là 8,77 tỷ đồng.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- Số lượng: 03 người (gồm 01 Trưởng ban và 02 Thành viên)
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần PHP của các thành viên BKS:

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định của Cảng Hải Phòng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, BKS đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Cảng Hải Phòng trên các khía cạnh trọng yếu như sau:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, dự các cuộc họp giao ban hàng tháng kiểm điểm tình hình hoạt động kinh doanh do Ban điều hành chủ trì.

Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban điều hành; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, qui định, văn bản của công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.

Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành; thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm 2017 trước và sau kiểm toán; thẩm định quy trình và rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo các Nghị quyết của HĐQT.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp. Ngày 4/04/2018 Ban Kiểm soát đã họp tổng kết công tác kiểm tra, giám sát năm 2017, thống nhất nội dung chuẩn bị xây dựng báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018, xây dựng chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018.

Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên năm 2017, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

Nội dung	Kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017	Thực hiện (VNĐ)	Tỷ lệ
Thù lao HĐQT, BKS	- Thành viên HĐQT không chuyên chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS không chuyên chuyên trách: 3.500.000 đ/người/tháng	- Thành viên HĐQT không chuyên chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS không chuyên chuyên trách: 3.500.000 đ/người/tháng	100%

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3.5 Những vấn đề lưu ý khác

a. Công ty đã thực hiện giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo), cụ thể:

Công ty thực hiện giao dịch với Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (Ông Cao Trung Ngoan - thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng).

b. Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty) đã đăng ký thực hiện điều chỉnh loại chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do đối với chứng khoán mã PHP cho 54 cổ đông là cán bộ công nhân viên Công ty. Đây là các cá nhân đã tham gia chương trình mua cổ phần có cam kết thời gian làm việc với Công ty, thời hạn cam kết từ 01 đến 03 năm kể từ ngày Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

c. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về việc bổ sung cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty) vào danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ vì Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 của Công ty có ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán.

1.4 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (trừ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Ngoài thù lao, các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách đồng thời là người điều hành công ty (gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng – 04 người) và Chủ tịch Hội đồng quản trị còn được hưởng lương từ quỹ lương thực chi của công ty và trích thưởng từ nguồn Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- Số lượng: 03 người (gồm 01 Trưởng ban và 02 Thành viên)
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần PHP của các thành viên BKS:

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định của Cảng Hải Phòng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, BKS đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Cảng Hải Phòng trên các khía cạnh trọng yếu như sau:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, dự các cuộc họp giao ban hàng tháng kiểm điểm tình hình hoạt động kinh doanh do Ban điều hành chủ trì.

Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban điều hành; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội qui, qui định, văn bản của công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.

Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành; thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm 2017 trước và sau kiểm toán; thẩm định quy trình và rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo các Nghị quyết của HĐQT.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp. Ngày 4/04/2018 Ban Kiểm soát đã họp tổng kết công tác kiểm tra, giám sát năm 2017, thống nhất nội dung chuẩn bị xây dựng báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018, xây dựng chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018.

Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên năm 2017, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

Nội dung	Kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017	Thực hiện (VNĐ)	Tỷ lệ
Thù lao HĐQT, BKS	- Thành viên HĐQT không chuyên chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS không chuyên chuyên trách: 3.500.000 đ/người/tháng	- Thành viên HĐQT không chuyên chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên BKS không chuyên chuyên trách: 3.500.000 đ/người/tháng	100%

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3.5 Những vấn đề lưu ý khác


a. Công ty đã thực hiện giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo), cụ thể:

Công ty thực hiện giao dịch với Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (Ông Cao Trung Ngoan - thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng).

b. Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty) đã đăng ký thực hiện điều chỉnh loại chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do đối với chứng khoán mã PHP cho 54 cổ đông là cán bộ công nhân viên Công ty. Đây là các cá nhân đã tham gia chương trình mua cổ phần có cam kết thời gian làm việc với Công ty, thời hạn cam kết từ 01 đến 03 năm kể từ ngày Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

c. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về việc bổ sung cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty) vào danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ vì Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 của Công ty có ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2017 (BCTC riêng và BCTC hợp nhất), ý kiến của đơn vị kiểm toán về Báo cáo tài chính và các giải trình liên quan được đính kèm Báo cáo thường niên năm 2017 của CTCP Cảng Hải Phòng. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (để b/cáo);
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (để b/cáo);
- Chủ tịch HĐQT (để b/cáo);
- Trung tâm CNTT (để công bố);
- Lưu: Thư ký Cty; VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hùng Việt





Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh Nghiệp số 0200236845 Ngày 18 tháng 7 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
	Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
	Ông Trương Văn Thái	Thành viên
	Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
	Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 8A Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu/phải trả về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 39 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-180-KT-HN



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.085.080.943.795	1.880.382.673.696
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	283.689.798.159	520.069.355.892
Tiền	111		183.689.798.159	354.069.355.892
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	166.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.350.500.000.000	1.007.981.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	1.350.500.000.000	1.007.981.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		362.604.792.314	298.334.866.511
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	239.791.355.195	271.162.397.741
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	116.964.964.718	26.775.752.709
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	31.561.032.572	22.715.713.375
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(25.712.560.171)	(22.318.997.314)
Hàng tồn kho	140	11	41.924.584.941	34.882.332.735
Hàng tồn kho	141		41.924.584.941	34.882.332.735
Tài sản ngắn hạn khác	150		46.361.768.381	19.115.118.558
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	16.370.409.530	16.085.209.414
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(a)	26.449.827.257	2.657.689.536
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18(b)	3.541.531.594	372.219.608

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.151.201.629.672	3.248.272.186.226
Các khoản phải thu dài hạn	210		320.986.000	561.681.000
Phải thu dài hạn khác	216		320.986.000	561.681.000
Tài sản cố định	220		2.757.442.452.964	2.866.811.353.256
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.754.651.575.543	2.865.425.911.731
<i>Nguyên giá</i>	222		6.762.852.394.015	6.468.835.929.197
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.008.200.818.472)	(3.603.410.017.466)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.790.877.421	1.385.441.525
<i>Nguyên giá</i>	228		36.632.249.838	34.507.825.838
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(33.841.372.417)	(33.122.384.313)
Tài sản dở dang dài hạn	240		46.663.006.357	60.571.946.452
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	46.663.006.357	60.571.946.452
Đầu tư tài chính dài hạn	250		254.703.777.851	247.231.501.058
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	237.929.772.863	230.497.496.070
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(981.131.012)	(1.021.131.012)
Tài sản dài hạn khác	260		92.071.406.500	73.095.704.460
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	65.626.018.324	55.620.208.276
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	26.445.388.176	17.475.496.184
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.236.282.573.467	5.128.654.859.922

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.228.734.872.093	1.308.867.211.635
Nợ ngắn hạn	310		498.608.587.782	532.536.252.269
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	52.813.228.988	60.854.194.373
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.022.069.602	4.968.612.358
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(c)	31.506.874.219	75.559.084.292
Phải trả người lao động	314		116.226.950.214	136.934.846.236
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	132.576.176.131	95.557.004.331
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	464.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	19.265.787.566	30.088.255.478
Vay dài hạn đến hạn trả	320	21(a)	56.158.685.439	65.307.186.147
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	42.562.500.000	41.060.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	43.476.315.623	21.743.069.054
Nợ dài hạn	330		730.126.284.311	776.330.959.366
Vay dài hạn	338	21(b)	725.015.885.896	762.991.416.922
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	5.110.398.415	3.602.244.444
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	-	9.737.298.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.007.547.701.374	3.819.787.648.287
Vốn chủ sở hữu	410	24	4.007.547.701.374	3.819.787.648.287
Vốn cổ phần	411	25	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		72.599.527.038	72.599.527.038
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	269.015.348.989	156.122.712.580
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		531.124.970.411	492.034.247.315
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		182.293.891.386	161.946.044.914
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		348.831.079.025	330.088.202.401
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		478.509.546.045	442.732.852.463
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.236.282.573.467	5.128.654.859.922

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	2.068.935.989.867	2.401.885.380.184
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		1.350.009.103.782	1.511.042.414.180
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		718.926.886.085	890.842.966.004
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	90.739.845.322	79.097.159.273
Chi phí tài chính	22	31	66.487.799.379	75.462.401.544
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		44.672.760.922	52.479.199.297
Phần lãi trong công ty liên kết	24		14.697.872.969	11.457.591.036
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	209.895.528.929	213.878.024.890
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		547.981.276.068	692.057.289.879
Thu nhập khác	31	33	14.638.919.698	4.465.064.562
Chi phí khác	32		1.803.156.437	1.978.998.171
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		12.835.763.261	2.486.066.391
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		560.817.039.329	694.543.356.270
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	85.993.732.115	111.119.144.368
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(7.461.738.021)	(15.133.251.740)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		482.285.045.235	598.557.463.642

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		482.285.045.235	598.557.463.642
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		348.831.079.025	460.872.202.401
Cổ đông không kiểm soát	62		133.453.966.210	137.685.261.241
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.066,89	1.409,57

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởngNguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		560.817.039.329	694.543.356.270
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		416.560.565.661	421.664.231.056
Các khoản dự phòng	03		(4.881.235.143)	4.311.712.827
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		18.341.710.814	14.444.735.559
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(101.931.231.804)	(82.568.766.634)
Chi phí lãi vay	06		44.672.760.922	52.479.199.297
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		933.579.609.779	1.104.874.468.375
Biến động các khoản phải thu	09		(12.477.241.477)	16.997.081.493
Biến động hàng tồn kho	10		(7.042.252.206)	5.412.191.765
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(39.949.268.087)	(13.723.365.667)
Biến động chi phí trả trước	12		(10.268.600.164)	8.665.736.912
			863.842.247.845	1.122.226.112.878
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.527.771.351)	(9.463.486.108)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(132.003.543.006)	(104.645.824.483)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		111.940.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(58.419.577.895)	(154.469.277.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		666.003.295.593	853.647.525.050

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(373.734.874.545)	(204.395.607.900)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		7.106.938.342	55.354.530
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(1.789.240.000.000)	(2.482.672.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		1.446.721.000.000	2.814.758.450.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(11.596.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	5.114.639.588
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		93.710.231.325	78.045.464.350
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(615.436.704.878)	199.310.300.568
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	110.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.203.805.602)	(176.837.863.556)
Tiền trả cổ tức	36		(220.618.449.700)	(513.609.853.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(286.822.255.302)	(580.447.716.855)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(236.255.664.587)	472.510.108.763
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	520.069.355.892	42.454.875.739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(123.893.146)	5.104.371.390
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	283.689.798.159	520.069.355.892

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt và chuyển Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khai thác khác;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động bệnh viện, trạm xá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; và
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không phục vụ quầy bar).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Công ty có trụ sở văn phòng chính tại số 8A Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc (1/1/2017: 2 đơn vị trực thuộc) và 5 công ty con (1/1/2017: 5 công ty con) như sau:

(i) Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	Số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Cảng Tân Vũ	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

(ii) Các công ty con

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Hải Phòng	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con có 8 công ty liên kết (1/1/2017: 8 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con có 3.600 nhân viên (1/1/2017: 3.984 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được hạch toán kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 13 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 20 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được xác định theo quy định tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 43 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn bao gồm các khoản chi phí lớn phát sinh trong suốt thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian tối đa không quá 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định

Khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ được lập cho một số máy móc và thiết bị cần thiết phải sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Khoản dự phòng được lập hàng năm dựa trên ước tính của Công ty và công ty con về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt hàng năm.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá, phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp dựa trên số liệu của bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập đến các công ty liên kết, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác
- Hoạt động khác (dịch vụ khám chữa bệnh và dịch vụ giáo dục nghề nghiệp)

	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác		Hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	2.064.132.505.198	2.395.482.293.473	4.803.484.669	6.403.086.711	-	-	2.068.935.989.867	2.401.885.380.184
Doanh thu giữa các bộ phận	64.870.562.064	64.357.104.251	2.565.974.000	2.839.517.945	(67.436.536.064)	(67.196.622.196)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	2.129.003.067.262	2.459.839.397.724	7.369.458.669	9.242.604.656	(67.436.536.064)	(67.196.622.196)	2.068.935.989.867	2.401.885.380.184
Kết quả kinh doanh của bộ phận	717.963.387.029	887.040.780.118	963.499.056	3.802.185.886	-	-	718.926.886.085	890.842.966.004
Chi phí không phân bổ								
Phần chia lãi trong công ty liên kết							185.643.482.986	210.243.267.161
							14.697.872.969	11.457.591.036
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							547.981.276.068	692.057.289.879
Thu nhập khác								
Chi phí khác							14.638.919.698	4.465.064.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp							1.803.156.437	1.978.998.171
							78.531.994.094	95.985.892.628
Lợi nhuận thuần sau thuế							482.285.045.235	598.557.463.642

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác		Hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận	4.897.882.088.976	4.796.541.961.489	17.536.596.820	18.668.845.543	-	-	4.915.418.685.796	4.815.210.807.032
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	237.929.772.863	230.497.496.070	-	-	-	-	237.929.772.863	230.497.496.070
Tài sản không phân bổ	82.934.114.808	82.946.556.820	-	-	-	-	82.934.114.808	82.946.556.820
Tổng tài sản	5.218.745.976.647	5.109.986.014.379	17.536.596.820	18.668.845.543	-	-	5.236.282.573.467	5.128.654.859.922
Tổng nợ phải trả	1.240.731.672.523	1.369.057.091.393	1.777.339.665	2.668.845.543	(13.774.140.095)	(62.858.725.301)	1.228.734.872.093	1.308.867.211.635
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	373.734.874.545	204.395.607.900	-	-	-	-	373.734.874.545	204.395.607.900
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	414.857.737.375	419.910.666.614	983.840.182	902.682.928	-	-	415.841.577.557	420.813.349.542
Khấu hao tài sản cố định vô hình	718.988.104	850.881.514	-	-	-	-	718.988.104	850.881.514

Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.479.795.524	1.842.611.168
Tiền gửi ngân hàng	182.210.002.635	352.226.744.724
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	166.000.000.000
	283.689.798.159	520.069.355.892

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	1.350.500.000.000	1.350.500.000.000	1.007.981.000.000	1.007.981.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 203.300 triệu VND (1/1/2017: 46.281 triệu VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết bao gồm:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	148.217.815.466	140.209.349.543
Công Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	18.563.019.188	18.137.933.436
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	2.675.784.155	2.662.133.447
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	26.459.573.255	26.665.143.948
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng (*)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	24.433.872.837	25.584.356.599
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (**)	5.518.034.429	5.518.034.429
Công ty Cổ phần HGH Logistics	12.061.673.533	11.720.544.668
	<hr/>	<hr/>
	237.929.772.863	230.497.496.070
	<hr/>	<hr/>

(*) Phần lỗ phải chia từ Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng đã vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết này.

(**) Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết này để hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2017
	VND
Số dư đầu kỳ	230.497.496.070
Chia phần lãi trong công ty liên kết	16.848.278.370
Chia phần lỗ trong công ty liên kết	(2.150.405.401)
Cổ tức được chia	(15.441.670.555)
Biến động khác	8.176.074.379
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	237.929.772.863
	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017				1/1/2017				
	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	0,13%	15.307.119.745	-	(*)	0,13%	15.307.119.745	-	(*)
Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	Hải Phòng	3,06%	144.385.243	-	(*)	3,06%	144.385.243	-	(*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	0,45%	122.500.000	-	527.051.460	0,45%	122.500.000	-	413.271.120
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hải Phòng	1,41%	2.181.131.012	(981.131.012)	1.200.000.000	1,41%	2.181.131.012	(1.021.131.012)	1.160.000.000
			<u>17.755.136.000</u>	<u>(981.131.012)</u>			<u>17.755.136.000</u>	<u>(1.021.131.012)</u>	

(*) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty Vận tải biển Container Vinalines		
– Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	539.152.857	1.343.656.330
Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng		
– Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	257.938.560	317.954.835
<i>Các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	807.614.991	2.194.810.424
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC – Đình Vũ	174.177.718	164.599.556
Công ty Cổ phần HGH Logistics	964.003.810	-
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	6.836.118.471	10.746.441.971
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	10.819.024.717	5.030.098.114
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	1.857.411.573	1.697.137.516
Công ty Liên doanh Khai thác Container Việt Nam	736.076.000	502.283.100
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	30.866.000	121.330.000
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	367.750.053	263.630.488
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH SITC Container Lines	19.825.231.019	23.390.138.874
Maersk Line A/S	13.501.075.334	23.175.220.963
Wan Hai Lines	16.954.183.678	12.351.160.828
Các khách hàng khác	166.120.730.414	189.863.934.742
	239.791.355.195	271.162.397.741

Khoản phải thu từ Công ty mẹ và các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty KOCKS ARDELTA KRANBAU GmbH	95.996.225.000	21.798.353.000
Các khách hàng khác	20.968.739.718	4.977.399.709
	<hr/>	<hr/>
	116.964.964.718	26.775.752.709
	<hr/>	<hr/>

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24.771.745.902	15.183.230.534
Phải thu bổ sung thuế thu nhập cá nhân từ người lao động	1.576.452.040	2.711.502.615
Tạm ứng	688.057.763	502.594.272
Ký quỹ	350.000.000	52.000.000
Phải thu khác	4.174.776.867	4.266.385.954
	<hr/>	<hr/>
	31.561.032.572	22.715.713.375
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2017		1/1/2017		Giá trị có thể thu hồi VND
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn					
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	Trên 3 năm	3.264.678.652	(3.264.678.652)	-	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hải Châu	Trên 3 năm	965.762.010	(965.762.010)	-	170.643.813
Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container		-	-	-	1.391.054.580
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	1 - 3 năm	9.930.305.723	(6.341.097.384)	3.589.208.339	5.575.269.484
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	5.290.426.681	(4.317.355.537)	(*)	(*)
Các khách hàng khác	Dưới 3 năm	8.688.995.690	(4.194.799.770)	4.494.195.920	3.163.895.541
		<u>34.769.035.574</u>	<u>(25.712.560.171)</u>	<u>33.654.316.147</u>	<u>(22.318.997.314)</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(25.712.560.171)

(22.318.997.314)

(*) Trong các khoản phải thu này có một số khoản phải thu không được trích lập dự phòng phải thu khó đòi do không đủ điều kiện trích lập theo biên bản kiểm toán của Kiểm toán nhà nước ngày 8 tháng 9 năm 2015 nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	1.837.800.000
Nguyên vật liệu	30.992.730.873	23.517.340.393
Công cụ và dụng cụ	10.857.861.930	9.322.313.066
Hàng hóa	73.992.138	204.879.276
	<hr/>	<hr/>
	41.924.584.941	34.882.332.735
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.654.522.839.954	600.877.338.463	3.158.352.206.930	55.083.543.850	6.468.835.929.197
Tăng trong năm	-	-	224.539.316.577	13.029.174.242	237.568.490.819
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	71.959.649.665	-	4.397.263.278	-	76.356.912.943
Thanh lý	-	-	(19.868.279.732)	-	(19.868.279.732)
Giảm khác	-	(10.859.212)	-	(29.800.000)	(40.659.212)
Số dư cuối năm	2.726.482.489.619	600.866.479.251	3.367.420.507.053	68.082.918.092	6.762.852.394.015
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.392.115.031.019	366.327.612.122	1.812.940.115.687	32.027.258.638	3.603.410.017.466
Khấu hao trong năm	123.467.158.887	60.477.258.671	226.296.175.736	6.695.221.799	416.935.815.093
Thanh lý	-	-	(12.137.624.087)	-	(12.137.624.087)
Giảm khác	-	-	-	(7.390.000)	(7.390.000)
Số dư cuối năm	1.515.582.189.906	426.804.870.793	2.027.098.667.336	38.715.090.437	4.008.200.818.472
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.262.407.808.935	234.549.726.341	1.345.412.091.243	23.056.285.212	2.865.425.911.731
Số dư cuối năm	1.210.900.299.713	174.061.608.458	1.340.321.839.717	29.367.827.655	2.754.651.575.543

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 504.302 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 471.297 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 70.030 triệu VND (1/1/2017: 113.730 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	34.507.825.838
Tăng trong năm	2.124.424.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	36.632.249.838
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	33.122.384.313
Khấu hao trong năm	718.988.104
	<hr/>
Số dư cuối năm	33.841.372.417
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.385.441.525
Số dư cuối năm	2.790.877.421
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 32.947 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 28.638 triệu VND).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	60.571.946.452	20.598.924.390
Tăng trong năm	62.447.972.848	109.668.465.194
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(76.356.912.943)	(69.695.443.132)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	46.663.006.357	60.571.946.452
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5, 6	19.569.480.015	14.742.172.460
Bãi chứa hàng và đường chạy RTG giai đoạn 2	11.869.988.678	-
Đường, bãi, hệ thống cấp thoát nước giai đoạn 3	3.327.745.324	-
Đường RTG trên bãi tiền phương (đường 12 RTG + 6 RTG)	172.994.729	1.818.573.938
Công trình nhà điều hành 5 tầng Đình Vũ	-	40.794.401.820
Công trình khác	11.722.797.611	3.216.798.234
	<hr/>	<hr/>
	46.663.006.357	60.571.946.452
	<hr/>	<hr/>

15. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	7.915.988.354	7.351.663.826
Công cụ, dụng cụ	4.257.848.020	6.964.850.800
Chi phí sửa chữa	2.266.073.028	416.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.930.500.128	1.352.694.788
	<hr/>	<hr/>
	16.370.409.530	16.085.209.414
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí thuê đất VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	6.118.476.032	12.824.784.000	30.938.440.609	5.519.314.635	219.193.000	55.620.208.276
Tăng trong năm	16.472.870.604	-	-	24.873.487.413	1.109.763.673	42.456.121.690
Phân bổ trong năm	(10.183.238.891)	(12.824.784.000)	(763.912.116)	(8.233.025.472)	(445.351.163)	(32.450.311.642)
	12.408.107.745	-	30.174.528.493	22.159.776.576	883.605.510	65.626.018.324

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Thuế suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Trích trước chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị chưa được duyệt phương án trả nợ và đồng tiền vay	20%	26.028.122.658	18.591.516.184
Trích trước giảm giá dịch vụ	20%	417.265.518	-
		26.445.388.176	18.591.516.184
TỔNG tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền	20%	-	(1.116.020.000)
Dự phòng loại trừ khi hợp nhất	20%	(5.110.398.415)	(3.602.244.444)
		(5.110.398.415)	(4.718.264.444)
TỔNG thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần			
		21.334.989.761	13.873.251.740
Phân loại trên bảng cân đối kế toán:			
Tài sản dài hạn khác		26.445.388.176	17.475.496.184
Nợ phải trả dài hạn		(5.110.398.415)	(3.602.244.444)
		21.334.989.761	13.873.251.740
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần			

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.583.254.356	4.835.569.329
<i>Các bên thứ ba</i>		
Các nhà cung cấp khác	50.229.974.632	56.018.625.044
	52.813.228.988	60.854.194.373

Khoản phải trả công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.657.689.536	97.840.055.013	(74.047.917.292)	26.449.827.257

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	600.762.016	33.892.608
Thuế thu nhập cá nhân	2.934.169.579	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	6.599.999	338.327.000
	3.541.531.594	372.219.608

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ/ nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
	Đã điều chỉnh lại			
Thuế giá trị gia tăng	5.727.697.711	117.261.854.836	(121.699.634.160)	1.289.918.387
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	37.633.486.936	(37.633.486.936)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	114.150.128	(114.150.128)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.600.974.471	85.993.732.115	(131.436.673.598)	23.158.032.988
Thuế thu nhập cá nhân	1.230.412.110	17.027.524.813	(17.193.877.099)	1.064.059.824
Tiền thuê đất	-	25.431.433.380	(19.436.570.360)	5.994.863.020
Các loại thuế khác	-	649.699.183	(649.699.183)	-
	75.559.084.292	284.111.881.391	(328.164.091.464)	31.506.874.219

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	132.307.100.766	95.162.111.195
Các khoản trích trước khác	269.075.365	394.893.136
	132.576.176.131	95.557.004.331

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải trả	2.409.562.350	2.964.012.050
Bảo hiểm xã hội	80.840.122	449.913.695
Kinh phí công đoàn	3.619.502.563	2.172.747.718
Phải trả tiền ăn ca	7.887.946.500	15.677.402.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.267.936.031	8.824.180.015
	19.265.787.566	30.088.255.478

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	65.307.186.147	55.712.886.662	(66.280.488.362)	1.419.100.992	56.158.685.439

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	781.174.571.335	828.298.603.069
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(56.158.685.439)	(65.307.186.147)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	725.015.885.896	762.991.416.922

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay ODA giai đoạn II (*)	JPY	1,5%	2018 - 2029	372.747.987.611	383.949.124.559
Vay ODA giai đoạn II bổ sung (**)	VND	9,7%	2029	41.219.984.859	41.219.984.859
Vay ODA cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ (**)	VND	9,7%	2020	342.110.245.728	342.110.245.728
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu (***)	USD	4,25%	2018	25.096.353.137	61.019.247.923
				781.174.571.335	828.298.603.069

(*) Ngân hàng không yêu cầu được đảm bảo cho khoản vay này.

(**) Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn Nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, giá trị khoản vay cho cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung mà Công ty phải nhận nợ là 383.330.230.587 VND từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay này bằng VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thực hiện trích trước chi phí lãi vay phải trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Công ty đã xây dựng phương án trả khoản vay trên với lãi suất 9,5%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm theo yêu cầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Cũng theo phương án trả khoản vay nói trên, thời hạn của khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung là đến năm 2029 và thời hạn của khoản vay cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ là đến năm 2020. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng.

(***) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 70.030 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 113.730 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định	23.562.500.000	32.437.298.000
Dự phòng nợ vết bến cảng	19.000.000.000	18.360.000.000
	42.562.500.000	50.797.298.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	42.562.500.000	41.060.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	-	9.737.298.000

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	21.743.069.054	120.309.326.329
Trích lập trong năm	81.135.122.000	57.104.511.362
Tặng khác	111.940.000	-
Sử dụng trong năm	(59.513.815.431)	(155.670.768.637)
	43.476.315.623	21.743.069.054

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016 – theo báo cáo trước đây Điều chỉnh lại (Thuyết minh 39)	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	95.590.703.400	462.891.641.790	473.082.180.933	3.760.462.362.052
Số dư tại ngày 1/1/2016 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	95.590.703.400	448.712.918.100	459.459.485.623	3.732.660.943.052
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	460.872.202.401	137.685.261.241	598.557.463.642
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	60.400.015.180	(60.400.015.180)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(50.772.616.961)	(6.331.894.401)	(57.104.511.362)
Cổ tức	-	-	-	-	(294.264.000.000)	(148.080.000.000)	(442.344.000.000)
Thay đổi khác	-	-	-	131.994.000	(12.114.241.045)	-	(11.982.247.045)
Số dư tại ngày 1/1/2017 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	156.122.712.580	492.034.247.315	442.732.852.463	3.819.787.648.287
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	348.831.079.025	133.453.966.210	482.285.045.235
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	112.876.984.972	(112.876.984.972)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(73.416.122.000)	(7.719.000.000)	(81.135.122.000)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(130.784.000.000)	(89.280.000.000)	(220.064.000.000)
Thay đổi khác	-	-	-	15.651.437	7.336.751.043	(678.272.628)	6.674.129.852
Số dư tại ngày 31/12/2017	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	269.015.348.989	531.124.970.411	478.509.546.045	4.007.547.701.374

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2016 trị giá 261.568 triệu VND, trong đó 130.784 triệu VND đã được tạm ứng theo Nghị quyết số 63/NQ-CHP ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.918.447	134.200.050.105	13.044.552	296.513.175.629
EUR	28.340	764.895.767	28.283	674.905.866
		<u>134.964.945.872</u>		<u>297.188.081.495</u>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	72.808.693.991	62.220.738.694
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.723.263.939	5.357.280.675
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	146.516.518	1.726.893.065
Cổ tức và lợi nhuận được chia	15.048.382.147	9.779.607.300
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.988.727	12.639.539
	<hr/>	<hr/>
	90.739.845.322	79.097.159.273
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	44.672.760.922	52.479.199.297
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.366.811.125	4.906.272.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.488.227.332	16.171.628.624
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(40.000.000)	1.016.131.012
Lỗ do thoái vốn khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	889.170.396
	<hr/>	<hr/>
	66.487.799.379	75.462.401.544
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	113.220.069.478	117.538.008.754
Phân bổ lợi thế kinh doanh	12.824.784.000	12.824.784.000
Chi phí khấu hao	9.179.176.927	7.474.777.722
Dự phòng phải thu khó đòi	3.393.562.857	7.766.118.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.422.469.885	7.927.405.253
Chi phí khác	64.855.465.782	60.346.930.346
	<hr/>	<hr/>
	209.895.528.929	213.878.024.890
	<hr/>	<hr/>

33. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	376.942.366	183.313.167
Tiền bồi thường	7.477.986.500	747.244.205
Thu nhập tiền điện cho thuê	1.994.975.568	1.785.373.472
Các khoản khác	4.789.015.264	1.749.133.718
	<hr/>	<hr/>
	14.638.919.698	4.465.064.562
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	129.042.528.623	135.547.830.744
Chi phí nhân công	649.710.650.214	759.111.802.760
Chi phí khấu hao và phân bổ	416.421.646.061	421.664.231.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.752.983.406	117.773.053.319
Chi phí khác	247.976.824.407	290.823.521.191
	<hr/>	<hr/>
	1.559.904.632.711	1.724.920.439.070
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	85.993.732.115	111.119.144.368
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời khi hợp nhất	1.508.153.971	2.342.244.444
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(8.969.891.992)	(17.475.496.184)
	(7.461.738.021)	(15.133.251.740)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	78.531.994.094	95.985.892.628

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	560.817.039.329	694.543.356.270
Thuế tính theo thuế suất của Công ty và các công ty con	79.649.498.080	105.786.818.975
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	(521.422.242)	136.654.637
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	884.961.073	1.033.778.494
Giá trị thuế của khoản thu nhập không bị tính thuế	(1.526.064.945)	(997.187.460)
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại từ lãi vay cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ giai đoạn từ 1/7/2014 đến 31/12/2015	-	(9.955.408.151)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho lỗ tính thuế hiện hành	47.694.349	-
Giá trị thuế của khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.672.221)	(18.763.867)
	78.531.994.094	95.985.892.628

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con bao gồm Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng, và Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2018 và theo thuế suất phổ thông sau đó.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2017	2016
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông (VND) (*)	348.831.079.025	460.872.202.401
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	326.960.000	326.960.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.066,89	1.409,57

(*) Công ty hiện chưa có kế hoạch phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2017. Do đó, lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 trình bày ở trên chưa tính tới việc phân bổ quỹ này. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ		
<i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>		
Chia cổ tức năm 2016	121.056.550.800	121.056.550.800
Chia cổ tức năm 2015	-	151.320.688.500
Quyết toán về cổ phần hóa	-	78.704.002.961
<i>Công ty Vận tải biển Container Vinalines</i>		
<i>- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	8.368.830.094	1.290.610.887
<i>Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng</i>		
<i>- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	786.024.800	581.099.850
Các công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần HGH Logistics</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.266.990.071	-
Mua dịch vụ	30.072.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ</i>		
Mua dịch vụ	23.721.055.527	27.078.302.623
Cung cấp dịch vụ	9.007.424.620	8.694.633.512
Cổ tức nhận được	6.840.000.000	2.736.000.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.815.260.762	1.725.880.332
Lợi nhuận nhận được	23.437.785.402	16.830.000.000
Các bên liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	22.185.615.853	13.181.605.083
<i>Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship</i>		
Cung cấp dịch vụ	655.240.000	434.670.000
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	9.330.805.582	12.512.729.774
<i>Công ty Cổ phần Vinalines Logistics</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.989.906.662	5.535.054.019

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty Liên doanh Khai thác Container Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	3.434.788.000	5.937.686.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông		
Cung cấp dịch vụ	28.216.462.898	26.781.409.004
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	6.033.035.731	6.272.102.678
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.280.059.420	1.672.473.085
Thù lao	315.000.000	460.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	682.899.472	259.778.527
Thù lao	84.000.000	126.000.000

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Bù trừ phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải trả người bán ngắn hạn liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	2.593.025.910	-
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu khác	-	20.000.000.000
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu về cổ phần hóa	-	78.704.002.961

39. Số liệu so sánh

Theo Quyết định số 207/QĐ-TTTP của Chánh Thanh tra Thành phố Hải Phòng, Thanh tra Thành phố Hải Phòng đã kết luận Công ty Cổ phần Cảng Đình Vũ, một công ty con của Công ty, không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động đầu tư mở rộng giai đoạn 2009-2013 và do đó, phải nộp bổ sung số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 là 27,8 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc đã hạch toán bổ sung nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp hồi tố vào kỳ liên quan. Theo đó, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh lại. Bảng so sánh số liệu đã báo cáo trước đây và sau khi điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	1/1/2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	40.734.466.910	27.801.419.000	68.535.885.910
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	462.891.641.790	(14.178.723.690)	448.712.918.100
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	473.082.180.933	(13.622.695.310)	459.459.485.623

	1/1/2017 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	1/1/2017 (đã điều chỉnh lại) VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47.757.665.292	27.801.419.000	75.559.084.292
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	506.212.971.005	(14.178.723.690)	492.034.247.315
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	456.355.547.773	(13.622.695.310)	442.732.852.463

Ngoài các vấn đề nêu trên, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh Nghiệp số** 0200236845 Ngày 18 tháng 7 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
	Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
	Ông Trương Văn Thái	Thành viên
	Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
	Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 8A Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)" được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính riêng liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu/phải trả về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-180-KT-R



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.137.440.078.971	1.090.749.684.287
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	192.656.351.634	348.069.094.448
Tiền	111		137.656.351.634	263.069.094.448
Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	85.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		632.500.000.000	482.981.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	632.500.000.000	482.981.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		249.516.129.117	228.480.221.699
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	140.030.416.419	156.401.809.632
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	102.515.506.718	23.717.884.101
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	27.697.568.543	68.296.580.230
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(20.727.362.563)	(19.936.052.264)
Hàng tồn kho	140	10	23.564.417.993	17.781.773.697
Hàng tồn kho	141		23.564.417.993	17.781.773.697
Tài sản ngắn hạn khác	150		39.203.180.227	13.437.594.443
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	11.462.625.263	11.612.433.325
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(a)	24.806.385.385	1.825.161.118
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(b)	2.934.169.579	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.734.776.417.523	3.684.475.507.451
Tài sản cố định	220		2.295.537.110.043	2.270.415.738.595
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.293.328.652.043	2.269.714.077.595
Nguyên giá	222		4.360.384.732.454	4.092.649.939.539
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.067.056.080.411)	(1.822.935.861.944)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.208.458.000	701.661.000
Nguyên giá	228		31.428.695.138	29.721.021.138
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.220.237.138)	(29.019.360.138)
Tài sản dở dang dài hạn	240		33.480.659.498	18.974.068.269
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	33.480.659.498	18.974.068.269
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	1.353.866.941.472	1.361.367.711.333
Đầu tư vào công ty con	251		1.279.501.691.109	1.279.501.691.109
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		83.143.237.464	83.143.237.464
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.533.123.101)	(19.032.353.240)
Tài sản dài hạn khác	260		51.891.706.510	33.717.989.254
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	25.863.583.852	16.038.341.756
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	26.028.122.658	17.679.647.498
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.872.216.496.494	4.775.225.191.738

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.072.655.217.693	1.062.146.607.753
Nợ ngắn hạn	310		347.639.331.797	314.664.502.651
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	37.264.293.910	36.032.047.859
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		291.947.960	883.792.089
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(c)	22.473.274.842	38.122.274.029
Phải trả người lao động	314		69.465.561.186	88.817.767.287
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	132.371.289.553	95.398.120.573
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	9.725.519.792	10.169.580.963
Vay ngắn hạn	320	20(a)	31.062.332.302	29.534.548.044
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	7.562.500.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	37.422.612.252	15.706.371.807
Nợ dài hạn	330		725.015.885.896	747.482.105.102
Vay dài hạn	338	20(b)	725.015.885.896	737.744.807.102
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	-	9.737.298.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.799.561.278.801	3.713.078.583.985
Vốn chủ sở hữu	410	23	3.799.561.278.801	3.713.078.583.985
Vốn cổ phần	411	24	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	161.622.388.578	60.917.847.513
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		368.338.890.223	382.560.736.472
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.976.294.447	63.941.454.834
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		282.362.595.776	318.619.281.638
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.872.216.496.494	4.775.225.191.738

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	28	1.097.329.225.283	1.225.436.722.813
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		721.102.679.695	768.492.056.345
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		376.226.545.588	456.944.666.468
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	134.753.310.119	243.757.138.161
Chi phí tài chính	22	30	71.837.739.009	82.739.733.713
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		43.169.876.387	49.704.227.441
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	111.201.150.154	121.359.689.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		327.940.966.544	496.602.381.718
Thu nhập khác	31	32	1.323.489.046	3.114.370.946
Chi phí khác	32		522.363.250	1.881.809.172
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		801.125.796	1.232.561.774
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		328.742.092.340	497.834.943.492
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	54.727.971.724	66.111.309.352
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(8.348.475.160)	(17.679.647.498)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		282.362.595.776	449.403.281.638

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		328.742.092.340	497.834.943.492
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		245.240.987.555	254.545.593.791
Các khoản dự phòng	03		6.117.282.160	932.199.514
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		18.468.858.463	14.896.121.190
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(133.898.425.982)	(240.186.723.914)
Chi phí lãi vay	06		43.169.876.387	49.704.227.441
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		507.840.670.923	577.726.361.514
Biến động các khoản phải thu	09		(18.619.600.972)	16.936.028.257
Biến động hàng tồn kho	10		(5.782.644.296)	3.769.346.276
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(15.879.503.357)	(37.393.029.065)
Biến động chi phí trả trước	12		(9.653.024.034)	10.071.108.060
			457.905.898.264	571.109.815.042
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.033.385.816)	(6.571.139.501)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(72.885.565.519)	(59.932.380.841)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		111.940.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(32.174.276.555)	(143.199.288.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		346.924.610.374	361.407.006.065

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(358.608.971.322)	(105.047.537.283)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.678.602.887	-
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(724.500.000.000)	(1.367.672.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		574.981.000.000	1.686.758.450.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(41.548.034.393)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	5.114.639.588
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		165.482.557.350	183.645.101.753
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(340.966.811.085)	361.250.619.665
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(30.466.276.842)	(31.398.005.640)
Tiền trả cổ tức	36		(130.784.000.000)	(365.829.767.039)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(161.250.276.842)	(397.227.772.679)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(155.292.477.553)	325.429.853.051
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	348.069.094.448	18.416.818.638
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(120.265.261)	4.222.422.759
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	192.656.351.634	348.069.094.448

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt và chuyển Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khai thác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động bệnh viện, trạm xá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; và
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không phục vụ quầy bar).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Công ty có trụ sở văn phòng chính tại số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc (1/1/2017: 2 đơn vị trực thuộc) sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	Số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Cảng Tân Vũ	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 5 công ty con (1/1/2017: 5 công ty con) và 6 công ty liên kết (1/1/2017: 6 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh số 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1.681 nhân viên (1/1/2017: 1.772 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 40 năm |
| ▪ máy móc, thiết bị | 5 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 4 – 20 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 2 – 13 năm |

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 20 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được xác định theo quy định tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn bao gồm các khoản chi phí lớn phát sinh trong suốt thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian tối đa không quá 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định

Khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ được lập cho một số máy móc và thiết bị cần thiết phải sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính của Công ty về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt.

(l) *Vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định tính theo phương pháp dựa trên số liệu của bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) *Doanh thu và thu nhập khác*

(i) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	477.652.500	748.371.500
Tiền gửi ngân hàng	137.178.699.134	262.320.722.948
Các khoản tương đương tiền	55.000.000.000	85.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	192.656.351.634	348.069.094.448
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	632.500.000.000	632.500.000.000	482.981.000.000	482.981.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 203.300 triệu VND (1/1/2017: 46.281 triệu VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017				1/1/2017				
	Địa chỉ	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con									
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Hải Phòng	51%	816.000.000.000	-	1.303.560.000.000	51%	816.000.000.000	-	1.468.800.000.000
• Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	60%	17.501.691.109	(6.161.691.109)	11.340.000.000	60%	17.501.691.109	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Hải Phòng	100%	430.000.000.000	-	(*)	100%	430.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%	15.000.000.000	(238.471.744)	(*)	100%	15.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%	1.000.000.000	(2.271.101)	(*)	100%	1.000.000.000	-	(*)
			<u>1.279.501.691.109</u>	<u>(6.402.433.954)</u>			<u>1.279.501.691.109</u>	<u>-</u>	

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2017			1/1/2017					
	Địa chỉ	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết									
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	30,52%	31.440.000.000	(7.007.230.939)	(*)	35,31%	31.440.000.000	(5.855.241.085)	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Hải Phòng	27,61%	25.289.203.035	-	(*)	27,61%	25.289.203.035	-	(*)
• Công ty Cổ phần HGH Logistics	Hải Phòng	38,81%	11.596.000.000	-	(*)	38,81%	11.596.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	32,24%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(*)	32,24%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (**)	Hải Phòng	25,00%	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(*)	25%	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(*)
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Hải Phòng	20,12%	3.000.000.000	(324.292.767)	(*)	20,12%	3.000.000.000	(337.946.714)	(*)
			83.143.237.464	(19.149.558.135)			83.143.237.464	(18.011.222.228)	

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị khác	31/12/2017			1/1/2017					
	Địa chỉ	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	0,13%	15.307.119.745	-	(*)	0,13%	15.307.119.745	-	(*)
• Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	Hải Phòng	3,06%	144.385.243	-	(*)	3,06%	144.385.243	-	(*)
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	0,45%	122.500.000	-	527.051.460	0,45%	122.500.000	-	413.271.120
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hải Phòng	1,41%	2.181.131.012	(981.131.012)	1.200.000.000	1,41%	2.181.131.012	(1.021.131.012)	1.160.000.000
			17.755.136.000	(981.131.012)			17.755.136.000	(1.021.131.012)	
			1.380.400.064.573	(26.533.123.101)			1.380.400.064.573	(19.032.353.240)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết này. Công ty thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty Vận tải biển Container Vinalines		
– Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	539.152.857	1.343.656.330
Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng		
– Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	257.938.560	317.954.835
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ		
Cảng Hải Phòng	171.924.752	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	67.274.911	405.878.342
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	7.316.760	2.658.785.087
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần HGH Logistics	964.003.810	-
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	10.819.024.717	5.030.098.114
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Đông	3.440.943.769	5.943.807.602
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	415.639.472	422.465.008
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	367.750.053	263.630.488
Công ty Liên doanh Khai thác Container Việt Nam	88.198.000	52.421.600
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	30.866.000	121.330.000
<i>Các bên thứ ba</i>		
Maersk Line A/S	13.501.075.334	23.175.220.963
Wan Hai Lines	16.954.183.678	12.351.160.828
Các khách hàng khác	92.405.123.746	104.315.400.435
	140.030.416.419	156.401.809.632

Khoản phải thu từ Công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty KOCKS ARDEL T KRANBAU GmbH	95.996.225.000	21.798.353.000
Các khách hàng khác	6.519.281.718	1.919.531.101
	<hr/>	<hr/>
	102.515.506.718	23.717.884.101
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5.512.414.973	53.440.964.042
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	14.108.307.774	8.786.272.960
Phải thu bổ sung thuế thu nhập cá nhân từ người lao động	971.181.982	2.711.502.615
Tạm ứng	610.500.000	368.751.000
Phải thu Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, công ty con, về tiền thuê đất trả hộ	3.553.802.250	-
Ký quỹ	-	2.000.000
Phải thu khác	2.941.361.564	2.987.089.613
	<hr/>	<hr/>
	27.697.568.543	68.296.580.230
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ Công ty con không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2017			1/1/2017				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	Trên 3 năm	3.264.678.652	(3.264.678.652)	-	Trên 3 năm	3.271.865.211	(3.271.865.211)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hải Châu	Trên 3 năm	965.762.010	(965.762.010)	-	2 - trên 3 năm	965.762.010	(795.118.197)	170.643.813
Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container		-	-	-	1 - 3 năm 6 tháng - 2 năm	2.852.328.497	(1.461.273.917)	1.391.054.580
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	Từ 1 - 3 năm	9.930.305.723	(6.341.097.384)	3.589.208.339		9.930.305.723	(4.355.036.239)	5.575.269.484
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	4.057.940.472	(3.090.146.028)	(*)	Trên 3 năm	3.834.716.705	(2.805.537.990)	(*)
Các khách hàng khác	Dưới 3 năm	753.104.810	(436.811.671)	316.293.139	Dưới 3 năm	1.094.866.504	(618.353.892)	476.512.612
		<u>25.600.658.485</u>	<u>(20.727.362.563)</u>	<u>3.905.501.478</u>		<u>28.578.711.468</u>	<u>(19.936.052.264)</u>	<u>7.613.480.489</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(20.727.362.563)

(19.936.052.264)

(*) Trong các khoản phải thu này có một số khoản phải thu không được trích lập dự phòng phải thu khó đòi do không đủ điều kiện trích lập theo biên bản kiểm toán của Kiểm toán nhà nước ngày 8 tháng 9 năm 2015 nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nguyên vật liệu	22.270.336.959	16.616.328.286
Công cụ và dụng cụ	1.294.081.034	1.165.445.411
	<hr/>	<hr/>
	23.564.417.993	17.781.773.697
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.626.518.892.513	79.825.511.198	2.355.610.467.850	30.695.067.978	4.092.649.939.539
Mua mới	-	-	224.539.316.577	10.609.006.969	235.148.323.546
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	31.255.132.391	-	4.397.263.278	-	35.652.395.669
Thanh lý	-	-	(3.025.267.088)	-	(3.025.267.088)
Giảm khác	-	(10.859.212)	-	(29.800.000)	(40.659.212)
Số dư cuối năm	1.657.774.024.904	79.814.651.986	2.581.521.780.617	41.274.274.947	4.360.384.732.454
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	568.264.768.604	29.232.462.151	1.210.547.234.440	14.891.396.749	1.822.935.861.944
Khấu hao trong năm	61.808.421.200	3.806.841.000	176.992.227.720	3.183.880.635	245.791.370.555
Thanh lý	-	-	(1.663.762.088)	-	(1.663.762.088)
Giảm khác	-	-	-	(7.390.000)	(7.390.000)
Số dư cuối năm	630.073.189.804	33.039.303.151	1.385.875.700.072	18.067.887.384	2.067.056.080.411
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.058.254.123.909	50.593.049.047	1.145.063.233.410	15.803.671.229	2.269.714.077.595
Số dư cuối năm	1.027.700.835.100	46.775.348.835	1.195.646.080.545	23.206.387.563	2.293.328.652.043

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 12.042 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 6.247 triệu VND).

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	29.721.021.138
Tăng trong kỳ	1.707.674.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	31.428.695.138
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	29.019.360.138
Khấu hao trong năm	200.877.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	29.220.237.138
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	701.661.000
Số dư cuối năm	2.208.458.000
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 28.638 triệu VND đã được khấu hao hết (1/1/2017: 28.638 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	18.974.068.269	5.390.149.204
Tăng trong năm	50.158.986.898	83.249.184.283
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(35.652.395.669)	(69.665.265.218)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	33.480.659.498	18.974.068.269
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5, 6	19.569.480.015	14.742.172.460
6 chiếc xe đầu kéo Chi nhánh Cảng Tân Vũ	5.181.818.184	-
Đường, bãi, hệ thống cấp thoát nước giai đoạn 3 Cảng Đình Vũ	3.327.745.324	-
Sơ mi rơ moóc chờ container	2.593.025.910	-
Lắp đặt hệ thống cấp nguồn cho QC 3,4 Chi nhánh Cảng Tân Vũ	1.304.116.000	-
Đường RTG trên bãi tiền phương (đường 12 RTG + 6 RTG)	172.994.729	1.818.573.938
Bãi chứa hàng hậu phương số 3, 4	-	543.002.909
Công trình khác	1.331.479.336	1.870.318.962
	33.480.659.498	18.974.068.269

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước phí bảo hiểm	6.945.712.746	6.441.612.474
Công cụ, dụng cụ	2.117.131.647	4.353.650.639
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.399.780.870	817.170.212
	11.462.625.263	11.612.433.325

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.213.557.756	12.824.784.000	-	-	16.038.341.756
Tăng trong năm	13.996.643.326	-	20.622.351.053	3.148.000	34.622.142.379
Phân bổ trong năm	(7.958.613.429)	(12.824.784.000)	(4.011.155.965)	(2.346.889)	(24.796.900.283)
Số dư cuối năm	9.251.587.653	-	16.611.195.088	801.111	25.863.583.852

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị chưa được duyệt phương án trả nợ và đồng tiền vay	20%	26.028.122.658	18.591.516.184
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20%	-	(911.868.686)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		26.028.122.658	17.679.647.498

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	6.453.922.805	5.639.557.044
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	718.969.974	912.249.481
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	245.010.000	-
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	80.700.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	10.682.538	56.401.318
Các bên thứ ba		
Các nhà cung cấp khác	29.755.008.593	29.423.840.016
		37.264.293.910
		36.032.047.859

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và phải trả khi được yêu cầu.

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.825.161.118	68.879.653.648	(45.898.429.381)	24.806.385.385

(b) Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Thuế thu nhập cá nhân	2.934.169.579	-

(c) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ/ nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.958.786.678	59.966.987.207	(62.925.773.885)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	37.241.571.498	(37.241.571.498)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.636.005.617	54.727.971.724	(72.885.565.519)	16.478.411.822
Tiền thuê đất	-	25.431.433.380	(19.436.570.360)	5.994.863.020
Thuế thu nhập cá nhân	527.481.734	8.494.442.040	(9.021.923.774)	-
Các loại thuế khác	-	228.920.000	(228.920.000)	-
	38.122.274.029	186.091.325.849	(201.740.325.036)	22.473.274.842

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	132.221.789.553	95.085.298.982
Các khoản trích trước khác	149.500.000	312.821.591
	132.371.289.553	95.398.120.573

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải trả người lao động liên quan đến thuế thu nhập cá nhân khấu trừ thừa	3.060.262.113	1.073.874.631
Bảo hiểm xã hội	-	2.642.439
Kinh phí công đoàn	1.611.988.600	624.174.803
Phải trả tiền ăn ca	4.185.937.500	8.043.082.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	867.331.579	425.807.090
	9.725.519.792	10.169.580.963

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay dài hạn đến hạn trả	29.534.548.044	30.466.276.842	(30.466.276.842)	1.527.784.258	31.062.332.302

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	756.078.218.198	767.279.355.146
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(31.062.332.302)	(29.534.548.044)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	725.015.885.896	737.744.807.102

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017	1/1/2017
				VND	VND
Vay ODA giai đoạn II	JPY	1,5%	2018 - 2029	372.747.987.611	383.949.124.559
Vay ODA giai đoạn II bổ sung	VND	9,7%	2029 (*)	41.219.984.859	41.219.984.859
Vay ODA cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ	VND	9,7%	2020 (*)	342.110.245.728	342.110.245.728
				756.078.218.198	767.279.355.146

(*) Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn Nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, giá trị khoản vay cho cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung mà Công ty phải nhận nợ là 383.330.230.587 VND từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay này bằng VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thực hiện trích trước chi phí lãi vay phải trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Công ty đã xây dựng phương án trả khoản vay trên với lãi suất 9,5%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm theo yêu cầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Cũng theo phương án trả khoản vay nói trên, thời hạn của khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung là đến năm 2029 và thời hạn của khoản vay cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ là đến năm 2020. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Dự phòng phải trả**

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Sửa chữa định kỳ tài sản cố định VND
Số dư đầu năm	9.737.298.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.629.866.800)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(544.931.200)
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.562.500.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(7.562.500.000)
	<hr/>
Dự phòng phải trả dài hạn	-
	<hr/> <hr/>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	15.706.371.807	115.625.761.478
Trích lập trong năm	65.235.122.000	44.087.275.360
Tặng khác	111.940.000	379.065.000
Sử dụng trong năm	(32.925.536.555)	(142.135.730.031)
Cấp quỹ cho các công ty con	(10.705.285.000)	(2.250.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	37.422.612.252	15.706.371.807
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.269.600.000.000	10.899.547.066	321.395.036.641	3.601.894.583.707
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	449.403.281.638	449.403.281.638
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	49.886.306.447	(49.886.306.447)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(44.087.275.360)	(44.087.275.360)
Cổ tức	-	-	(294.264.000.000)	(294.264.000.000)
Tăng khác	-	131.994.000	-	131.994.000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.269.600.000.000	60.917.847.513	382.560.736.472	3.713.078.583.985
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	282.362.595.776	282.362.595.776
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	100.565.320.025	(100.565.320.025)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(65.235.122.000)	(65.235.122.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(130.784.000.000)	(130.784.000.000)
Tăng khác	-	139.221.040	-	139.221.040
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.269.600.000.000	161.622.388.578	368.338.890.223	3.799.561.278.801

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2016 trị giá 261.568 triệu VND, trong đó 130.784 triệu VND đã được tạm ứng theo Nghị quyết số 63/NQ-CHP ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.572.628	126.358.615.896	10.873.931	247.001.715.743
EUR	28.335	764.757.069	28.277	674.784.320
		<u>127.123.372.965</u>		<u>247.676.500.063</u>

28. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	98.864.552.603	208.253.231.342
Lãi tiền gửi	34.716.775.492	32.822.662.968
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.158.993.297	2.668.604.312
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.988.727	12.639.539
	<u>134.753.310.119</u>	<u>243.757.138.161</u>

30. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	43.169.876.387	49.704.227.441
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.698.234.298	4.522.861.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.468.858.463	14.896.121.190
Dự phòng tổn thất đầu tư	7.500.769.861	12.727.353.240
Lỗ do thoái vốn khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	889.170.396
	71.837.739.009	82.739.733.713

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	58.034.504.893	56.676.723.592
Phân bổ lợi thế kinh doanh	12.824.784.000	12.824.784.000
Chi phí khấu hao	3.241.469.640	3.092.472.500
Dự phòng phải thu khó đòi	791.310.299	6.635.383.274
Chi phí văn phòng phẩm, ấn phẩm	2.183.894.757	3.373.046.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.277.826.298	4.872.337.708
Chi phí khác	29.847.360.267	33.884.941.424
	111.201.150.154	121.359.689.198

32. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	317.097.887	-
Lãi do thanh lý công cụ, dụng cụ	110.122.718	1.475.874.613
Tiền bồi thường	59.642.000	598.916.650
Thu nhập tiền điện cho thuê	681.048.564	508.000.460
Các khoản khác	155.577.877	531.579.223
	1.323.489.046	3.114.370.946

33. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	65.170.192.230	67.600.920.499
Chi phí nhân công	331.894.445.745	362.027.647.176
Chi phí khấu hao	245.102.067.955	254.545.593.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.854.196.673	74.896.283.796
Chi phí khác	119.282.927.246	130.781.300.281

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	54.727.971.724	66.111.309.352
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(8.348.475.160)	(17.679.647.498)
Chi phí thuế thu nhập	46.379.496.564	48.431.661.854

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	328.742.092.340	497.834.943.492
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	65.748.418.468	99.566.988.698
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	403.988.617	470.727.575
Giá trị thuế của khoản thu nhập không bị tính thuế	(19.772.910.521)	(41.650.646.268)
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại từ lãi vay cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ giai đoạn từ 1/7/2014 đến 31/12/2015	-	(9.955.408.151)
	46.379.496.564	48.431.661.854

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ		
<i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>		
Chia cổ tức năm 2016	121.056.550.800	121.056.550.800
Chia cổ tức năm 2015	-	151.320.688.500
Quyết toán về cổ phần hóa	-	78.704.002.961
Công ty Vận tải biển Container Vinalines – Chi nhánh		
<i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	8.368.830.094	1.290.610.887
Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng – Chi nhánh		
<i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	765.064.800	581.099.850

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.362.973.392	2.429.672.895
Mua dịch vụ	6.992.596.812	1.363.944.527
Cổ tức được chia	91.800.000.000	153.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu</i>		
Góp vốn bằng tiền	-	28.153.801.967
Mua dịch vụ	2.631.449.316	410.644.182
Lợi nhuận được chia	5.232.285.303	53.127.415.648
<i>Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng</i>		
Góp vốn bằng tiền	-	573.153.359
Cung cấp dịch vụ	460.026.572	586.184.210
Mua dịch vụ	371.200.000	302.560.000
Lợi nhuận được chia	-	15.418.724
<i>Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng</i>		
Góp vốn bằng tiền	-	1.225.079.067
Mua dịch vụ	967.800.000	1.287.280.945
Lợi nhuận được chia	-	298.129.670
<i>Công ty Cổ Phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng</i>		
Cung cấp dịch vụ	9.456.646.844	14.304.769.024
Mua dịch vụ	34.553.050.962	31.248.271.197
Cổ tức được chia	1.620.000.000	1.620.000.000
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần HGH Logistics</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.266.990.071	-
Mua dịch vụ	30.072.000	-
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	22.185.615.853	13.181.605.083
<i>Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship</i>		
Cung cấp dịch vụ	646.360.000	434.670.000
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.635.568.914	7.298.093.013
<i>Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.577.611.389	5.535.054.019

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty Liên doanh khai thác Container Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	549.988.000	599.551.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông		
Cung cấp dịch vụ	18.455.687.865	15.382.871.510
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	6.033.035.731	6.272.102.678
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.280.059.420	1.672.473.085
Thù lao	315.000.000	460.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	682.899.472	259.778.527
Thù lao	84.000.000	126.000.000

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Bù trừ phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải trả người bán ngắn hạn liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	2.593.025.910	-
Bù trừ phải thu về lợi nhuận được chia và quỹ khen thưởng, phúc lợi phân phối cho công ty con	10.705.285.000	-
Sử dụng tài sản và nợ phải trả để thành lập công ty con:		
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	(1.110.571.791)
▪ Phải thu ngắn hạn khác	-	(17.653.800.046)
▪ Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	480.055.909
▪ Hàng tồn kho	-	(8.036.848.161)
▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	-	(1.859.518.000)
▪ Tài sản cố định hữu hình	-	(415.385.817.227)
▪ Chi phí trả trước dài hạn	-	(2.209.106.687)
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.997.353.446
▪ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	2.560.343.385
▪ Phải trả người lao động	-	14.275.729.285
▪ Phải trả ngắn hạn khác	-	10.894.214.280
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu khác	-	20.000.000.000
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu về cổ phần hóa	-	78.704.002.961

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc



Số: 620 /BC-CHP

“V/v giải trình biến động kết quả
kinh doanh năm 2017”

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán so với năm 2016 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng	282.362.595.776	449.403.281.638
2	Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất	482.285.045.235	598.557.463.642

1. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng:

Cầu vượt tại ngã ba Chùa Vẽ - Đình Vũ - Nguyễn Bình Khiêm được Thành phố Hải Phòng khởi công vào đầu quý 2 và đến cuối quý 4/2017 mới hoàn thành. Việc xây cầu ảnh hưởng tăng cự ly vận chuyển hàng từ CN Cảng Chùa Vẽ về kho bãi chứa hàng, bãi depot của một số chủ hàng nên chủ hàng thay đổi, lựa chọn cảng phù hợp cự ly vận chuyển để tiết giảm chi phí. Để giữ được khách hàng, Công ty phải áp dụng chính sách hỗ trợ khách hàng bằng cách giảm giá đối với một số mặt hàng.

Hàng ngoài container thông qua các cảng biển khu vực Hải Phòng trong năm 2017 giảm 18% so với năm 2016. Tình hình cạnh tranh giữa các cảng trong cùng khu vực tiếp tục diễn ra ngày càng gay gắt kéo theo cạnh tranh giảm giá.

Mặt khác, do hàng tạm nhập tái xuất giảm mạnh (đặc biệt hàng container lạnh), chủ hàng hạn chế lưu kho bãi nên thời gian lưu ít đã ảnh hưởng giảm nguồn thu từ lưu bãi container lạnh (giảm 25,2% so với năm 2016).

Ngày 01/12/2016, Bộ Giao thông vận tải ban hành biểu khung giá dịch bốc xếp dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 1/7/2017. Vì vậy, từ ngày 1/7/2017, các khách hàng của Cảng Hải Phòng đã đàm phán, đề xuất Cảng Hải Phòng phải áp dụng mức giá sàn đối với dịch vụ cung cấp. Trường hợp không áp dụng giá cạnh tranh, các khách hàng của Công ty sẽ lựa chọn đối tác khác. Việc này dẫn đến doanh thu từ mặt hàng container và cước cầu bến bị giảm.

Cổ tức và lợi nhuận sau thuế của các công ty con chuyển về trong năm 2017 là thấp hơn so với năm 2016 dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính năm 2017 thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Những khó khăn gặp phải cùng với những nguyên nhân đã được nêu trên ảnh hưởng dẫn đến doanh thu của Cảng Hải Phòng năm 2017 giảm so với năm 2016, cụ thể: Doanh thu sản xuất chính năm 2017 giảm 10,5% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 biến động giảm so với năm 2016.

2. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất:


Ngày 06/01/2017, Thành phố Hải Phòng đã khởi công xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ. Do vậy, khu vực cầu 9, 10, 11 và cụm kho 10, 11 của Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu – công ty con phải tạm dừng khai thác, ảnh hưởng đến phạm vi khai thác bị thu hẹp.

Bên cạnh đó, với các nguyên nhân từ việc xây cầu vượt ngã ba Chùa Vẽ - Đình Vũ - Nguyễn Bình Khiêm diễn ra trong năm 2017 cùng việc hàng ngoài container thông qua khu vực Hải Phòng biến động giảm ảnh hưởng trực tiếp khiến doanh thu khai thác của Công ty mẹ cũng như Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu (Công ty con) sụt giảm.

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 biến động giảm so với năm 2016.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi; 
- Chủ tịch HĐQT Cty (để b/cáo);
- Lưu VT, P.TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hùng Việt

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *621* /BC-CHP

Hải Phòng, ngày 26 tháng 03 năm 2018

“V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của
kiểm toán trong BCTC năm 2017 đã
được kiểm toán”

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình 01 ý kiến ngoại trừ của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017 của Công ty như sau:

Ý kiến “*Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu/phải trả về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.”*


Ý kiến kiểm toán ngoại trừ này đã được nêu từ giai đoạn công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 1/7/2014 và đã được Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

giải trình bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC năm 2014, năm 2015 và năm 2016. Cho đến ngày 31/12/2017, Bộ Tài chính chưa phê duyệt phương án vay trả các khoản vay liên quan đến quyết toán vốn ODA nên vẫn tồn tại ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán nêu trên đến Quý cơ quan để làm rõ hơn các thông tin trong báo cáo tài chính cũng như để Quý vị cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi; 
- Chủ tịch HĐQT Cty (để b/cáo);
- Lưu Thư ký Cty, VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hùng Việt